CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SHB

Annual Report

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012

SHBS
Giá trị tích lũy niềm tin

MỤC LỤC

ĐIỂM NHẤN TRONG NĂM 2012 3
LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 4
PHƯƠNG CHÂM HOẠT ĐỘNG 5
SẢN PHẨM – DỊCH VỤ SHBS CUNG CẤP 6
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 12
TỔNG QUAN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2012 12
TÓM TẮT KẾT QUẢ KINH DOANH 2012 15
ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2013 16
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2012 18
CHI TIẾT KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2012 18
HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NÓI CHUNG 18
HOẠT ĐỘNG CỦA SHBS 20
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ 21
1. Đội ngũ nhân sự 21
2. Cơ cấu tổ chức 22
3. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát 23
4. Ban Tổng giám đốc 27
5. Chính sách nhân sự 29
HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY 31
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 31
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT 33
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 34
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN 35
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 39
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ 40
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH 41
KIỂM TOÁN NỘI BỘ 72

ĐIỂM NHẤNTRONG NĂM 2012

THƯƠNG HIỆU SHB CHÍNH THỨC RA MẮT THỊ TRƯỜNG

Ngày 12 tháng 9 năm 2012, thương hiệu Công ty cổ phần Chứng khoán SHB (SHBS) đã chính thức ra mắt Thị trường chứng khoán Việt Nam, thay thế cho Công ty cổ phần chứng khoán Habubank. Trở thành Công ty con của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, SHBS thừa hưởng những giá trị lan tỏa của thương hiệu SHB, hội tụ những nhà lãnh đạo chiến lược có tầm vóc và sự hỗ trợ tối đa về tài chính cũng như các nguồn lực khác từ Ngân hàng mẹ. SHBS định hướng phát triển theo mô hình ngân hàng đầu tư, trong đó lấy hoạt động Tư vấn làm nền tảng, từ đó phát triển các nghiệp vụ Môi giới và Đầu tư.

Cũng trong năm 2012 vừa qua, SHBS đã không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, phát triển thêm những dịch vụ mới đáp ứng nhu cầu giao dịch và tư vấn của nhà đầu tư. Đặc biệt, trong năm 2012, SHBS đã chính thức đưa ra mắt website mới, đánh dấu bước chuyển mình về chất trong việc phát triển sản phẩm, dịch vụ đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng.

Với nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo và toàn thể nhân viên của Công ty, SHBS luôn phấn đấu hướng đến mục tiêu trở thành một công ty chứng khoán chuyên nghiệp, cung cấp các dịch vụ phù hợp nhất cho khách hàng.

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB ("Công ty") với tên tiếng Anh là SHB Securities Joint Stock Company được thành lập và hoạt động theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép Thành lập và Hoạt động công ty chứng khoán số 112/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 9 năm 2012 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty trước đây có tên gọi ban đầu là Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội, được chuyển đổi từ hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần từ ngày 1 tháng 9 năm 2011 theo Giấy phép Thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 112/GP-UBCK ngày 26 tháng 8 năm 2011 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại 2C Vạn Phúc, Phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ

Theo Giấy phép Thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 112/GP-UBCK, vốn điều lệ của Công ty vào đầu ngày 1 tháng 9 năm 2011 là 150.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 đồng.

PHƯƠNG CHÂM HOẠT ĐỘNG

Tầm nhìn

SHBS hướng tới vị trí là Định chế tài chính số một trong lựa chọn của khách hàng và đối tác trên thị trường Việt Nam và khu vực. Bằng sự thỏa mãn tối đa nhu cầu của khách hàng, SHBS sẽ mang lại lợi ích tốt nhất cho Cổ đông, cộng sự, đối tác và cộng đồng.

Sứ mệnh

Đưa SHBS trở thành khoản đầu tư hiệu quả của cổ đông; môi trường làm việc mong ước của đội ngũ nhân viên và trên hết là sự lựa chọn số một của khách hàng và đối tác.

Giá trị cốt lõi

SHBS xây dựng Giá trị cốt lõi cho mình dựa trên sức mạnh tổng thể từ chất lượng con người, công nghệ hiện đại, sản phẩm dịch vụ ưu việt, tiềm lực tài chính mạnh và mạng lưới quan hệ sâu rộng. Đó cũng là nền tảng giúp SHBS thực hiện sứ mệnh của mình và đạt được những mục tiêu chiến lược có tầm vóc trên Thị trường chứng khoán Việt Nam.

Triết lý kinh doanh

SHBS luôn tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, gìn giữ mối quan hệ khăng khít với khách hàng, đối tác bằng uy tín của chính mình, dùng năng lực và tâm huyết để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của Quý Khách hàng.

SẢN PHẨM – DỊCH VỤ SHBS CUNG CẤP

❖ Dịch vụ chứng khoán

- Mở TK giao dịch
- Dịch vụ Môi giới chứng khoán
- Dịch vụ Lưu ký chứng khoán
- Dịch vụ Quản lý tài khoản
- Dịch vụ hỗ trợ tài chính (thu xếp vốn)
- Dịch vụ hỗ trợ thông tin
- Dịch vụ Quản lý cổ đông
- Dịch vụ IPO

❖ Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư

- Dịch vụ Thị trường vốn
- Dịch vụ Thị trường nợ
- Mua bán, tái cấu trúc Doanh nghiệp
- Dịch vụ Tư vấn khác

MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

SHBS cung cấp dịch vụ Môi giới chứng khoán niêm yết, Môi giới chứng khoán chưa niêm yết (OTC), Môi giới trái phiếu và Thực hiện các giao dịch thỏa thuận. Đến với SHBS, khách hàng hoàn toàn hài lòng:

- Mở Tài khoản dễ dàng tại điểm sàn giao dịch hoặc qua Internet tại website www.shbs.com.vn
- Thủ tục giao dịch đơn giản, nhanh chóng và thuận tiện.
- Nhận lệnh trực tiếp từ khách hàng tại sàn giao dịch ở Hà Nội và Hồ Chí Minh;
- Nhận lệnh qua hệ thống điện thoại ghi âm cisco; qua Internet tại bất kỳ thời điểm nào và ở bất cứ nơi đâu.
- Thông báo kết quả khớp lệnh qua SMS
- Ứng trước tiền bán chứng khoán ngay khi khớp lệnh
- Chuyển tiền trực tuyến, kiểm tra số dư và quản lý danh mục đầu tư nhanh chóng thông qua hệ thống SHBS Online
- Đăng ký quyền mua chứng khoán qua điện thoại
- Được tư vấn miễn phí trực tiếp hoặc thông qua hệ thống điện thoại, email, website của Công ty về việc đầu tư chứng khoán và các quy định đầu tư trên TTCK.
- Thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo và đầu tư chiến lược giúp khách hang nắm bắt thêm thông tin và có định hướng đúng đắn trong đầu tư trên TTCK
- Mức phí cạnh tranh khi sử dụng dịch vụ môi giới của SHBS.

LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

- Thủ tục đơn giản, thuận tiện;
- Tránh rủi ro cho khách hàng khi tự lưu giữ chứng khoán, tránh sự giả mạo, mất mát, hư hỏng trong bảo quản sổ/giấy chứng nhận sở hữu cổ phần.
- Các giao dịch chứng khoán được thực hiện nhanh gọn, bảo mật và chính xác
- Được thông báo và hạch toán đầy đủ đối với các quyền lợi liên quan đến chứng khoán
- Thực hiện các hình thức chuyển khoản chứng khoán: lô lẻ, cho, biếu, tặng, thừa kế…
- Thực hiện Quyền : Quyền tham dự Đại hội cổ đông, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản; Quyền nhận cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng; Quyền mua cổ phiếu phát hành thêm

QUẢN LÝ TÀI KHOẢN

SHBS tham gia tư vấn, quản lý danh mục thuộc tài khoản của Quý khách hàng nhằm mục đích tối đa hóa hiệu quả sử dụng nguồn vốn vào những cơ hội đầu tư hấp dẫn, sinh lợi cao và giảm thiểu rủi ro.

Với việc ủy thác cho SHBS quản lý tài khoản của mình, Quý khách hàng sẽ:

- Được cung cấp các thông tin tin cậy nhất về cơ hội đầu tư và kết quả hoạt động đầu tư
- Được hưởng kết quả đầu tư theo hình thức uỷ thác mà Quý khách hàng lựa chọn
- Được SHBS đại diện để bảo vệ quyền lợi trong các dự án hoặc công ty cổ phần mà Quý khách hàng góp vốn đầu tư
- Hoạt động đầu tư của Quý khách hàng được đảm bảo bí mật
- Thủ tục tham gia đầu tư đơn giản, thuận lợi với mức phí uỷ thác hợp lý nhất.

DỊCH VỤ HỖ TRỢ TÀI CHÍNH

Với tiềm lực tài chính vững mạnh và sự hỗ trợ tích cực từ phía ngân hàng mẹ SHB, SHBS mang tới cho khách hàng các dịch vụ hỗ trợ tài chính (thu xếp vốn) một cách linh hoạt và đa dạng, bao gồm :

- Ứng trước tiền bán chứng khoán
- Cầm cố chứng khoán niêm yết
- Mua bán có kỳ hạn cổ phiếu chưa niêm yết
- Các hỗ trợ tài chính ngắn hạn khác

Lợi ích của khách hàng

- Được hỗ trợ tài chính tức thời, tạo khả năng quay vòng vốn nhanh, hỗ trợ Quý khách hàng nắm bắt kịp cơ hội đầu tư.
- Đáp ứng nhu cầu trong việc luân chuyển vốn đã đầu tư vào cổ phiếu.
- Hỗ trợ Quý khách hàng tối ưu hóa đồng vốn đối với các khoản đầu tư dài hạn.
- Hưởng lãi suất hợp lý và phương thức thanh toán linh hoạt.

DỊCH VỤ HỖ TRỢ THÔNG TIN

Với những chuyên gia phân tích dày dạn kinh nghiệm, am hiểu thị trường, SHBS cung cấp các dịch vụ hỗ trợ thông tin sau:

- Tư vấn qua điện thoại
- Báo cáo phân tích thị trường, ngành, cổ phiếu và các báo cáo phân tích nhận định thị trường hàng ngày
- Dịch vụ truy vấn SMS-Link qua đầu số 6158
- Hội thảo/Toạ đàm

QUẢN LÝ CỔ ĐÔNG

Với mục tiêu trở thành cầu nối tin cậy giữa tổ chức phát hành và các cổ đông cùng với kinh nghiệm và quy trình nghiệp vụ rõ ràng, minh bạch, hệ thống phần mềm quản lý chuyên biệt, tiện ích, SHBS đã và đang cung cấp dịch vụ Quản lý sổ cổ đông đạt chất lượng cao tới rất nhiều các doanh nghiệp lớn và nhỏ chưa niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Trên cơ sở được sự ủy quyền của tổ chức phát hành, SHBS sẽ tiến hành quản lý sổ cổ đông với nội dung chính bao gồm:

- Hoạt động họp đại hội cổ đông, trả cổ tức, chuyển nhượng cổ phần và phát hành thêm cổ phần
- Quản lý danh sách cổ đông.
- Xác nhận quá trình chuyển nhượng cổ phần giữa các cổ đông
- Thông tin các quyền tới cổ đông: chi trả cổ tức, mua cổ phiếu phát hành thêm, họp đại hội cổ đông, gửi phiếu xin ý kiến

Quản lý cổ đông trực tuyến

Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB đã cho ra đời dịch vụ Quản lý cổ đông trực tuyến với hệ thống phần mềm hiện đại và ưu việt vào loại bậc nhất trên thị trường. Dịch vụ quản lý cổ đông trực tuyến của SHBS sẽ cung cấp cho các doanh nghiệp và các cổ đông của doanh nghiệp một công cụ quản lý an toàn và hiệu quả nhất.

DỊCH VỤ IPO

Với lợi thế là một Công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam với tiềm lực tài chính vững vàng từ Ngân hang mẹ SHB, từ lâu CTCP chứng khoán SHB là một trong thành viên đấu giá của HNX và HOSE, rất uy tín và thành công với vai trò làm Đại lý đấu giá, tổ chức phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng trên thị trường tài chính Việt Nam.
Dịch vụ mà SHBS cung cấp bao gồm:

- Đại lý đấu giá phát hành CP lần đầu ra công chúng/IPO
- Dịch vụ tư vấn đấu giá cổ phần.
- Dịch vụ hỗ trợ đăng ký danh sách đấu giá

Các dịch vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật.

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

DỊCH VỤ THỊ TRƯỜNG VỐN

Tư vấn phát hành cổ phiếu

Để đáp ứng nhu cầu tăng vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của khách hàng một cách nhanh chóng và quy chuẩn, SHBS sẵn sàng tư vấn phát hành cổ phiếu cho DN.

1. Tư vấn chuẩn hóa điều kiện phát hành;
2. Xây dựng lộ trình phát hành;
3. Tư vấn thủ tục pháp lý và Xây dựng hồ sơ phát hành;
4. Xin cấp phép từ các cơ quan chức năng;
5. Hỗ trợ tiếp cận nhà đầu tư tiềm năng;
6. Thực hiện phát hành và tư vấn các vấn đề liên quan sau phát hành

Tư vấn niêm yết cổ phiếu

Niêm yết cổ phiếu, giao dịch tập trung trên các sàn giao dịch là bước đi tất yếu trong quá trình phát triển của Doanh nghiệp, đòi hỏi phải có một quá trình thực hiện quy chuẩn và phù hợp. Dich vụ tư vấn niêm yết của SHBS sẽ đi cùng Doanh nghiệp trong toàn bộ quá trình niêm yết và hậu niêm yết bao gồm các hoạt động cụ thể:

1. Chuẩn hóa các điều kiện niêm yết;
2. Xác định giá niêm yết;
3. Xây dựng hồ sơ niêm yết; Hồ sơ đăng ký chứng khoán
4. Nộp hồ sơ đăng ký niêm yết cho cơ quan có thẩm quyền;
5. Nộp hồ sơ Đăng ký chứng khoán và mở tài khoản cho cổ đông;
6. Tư vấn sau niêm yết (Công bố thông tin, chào sàn, truyền thông, xử lý phản ứng của Nhà đầu tư;…)...

Tư vấn cổ phần hóa Doanh nghiệp

Với sự am hiểu và kinh nghiệm của đội ngũ nhân sự trong lĩnh vực cổ phần hóa, với khả năng nhận diện và xử lý thông minh những vấn đề về tài chính Doanh nghiệp, SHBS bằng khả năng của mình sẽ nỗ lực tối ưu hóa lợi ích cho Doanh Nghiệp trong quá trình thực hiện cổ phần hóa.

1. Tư vấn xây dựng lộ trình cổ phần hóa;
2. Xác định giá trị doanh nghiệp;
3. Xây dựng phương án cổ phần hóa;
4. Tư vấn đấu giá cổ phần ra công chúng;
5. Tư vấn tổ chức ĐHĐCĐ lần đầu
6. Tư vấn sau cổ phần hóa (tái cấu trúc bộ máy tổ chức, tài chính,…)

Đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng - Đấu giá cổ phần

Hệ thống công nghệ hiện đại, đội ngũ nhân sự nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực đấu giá cổ phần Doanh nghiệp là những ưu thế để SHBS có thể tự tin cung cấp tới khách hàng dịch vụ tư vấn đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng, đấu giá cổ phần và các quyền đi kèm cổ phần khác.

1. Tư vấn chuẩn hóa điều kiện IPO;
2. Xác định giá khởi điểm đấu giá;
3. Xây dựng hồ sơ đấu giá ;
4. Tư vấn tìm kiếm nhà đầu tư tiềm năng;
5. Tư vấn tuân thủ quy định pháp luật về Công bố thông tin và các vấn đề pháp lý khác
6. Tổ chức bán đấu giá và công bố kết quả đấu giá theo quy định

DỊCH VỤ THỊ TRƯỜNG NỢ

Tư vấn phát hành và bảo lãnh phát hành trái phiếu

Được sự hỗ trợ về mọi mặt của Ngân hàng mẹ - SHB, cùng mối quan hệ mật thiết với các định chế tài chính, tổ chức tín dung, quỹ đầu tư, các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân, SHBS có nhiều lợi thế đối với dịch vụ tư vấn phát hành và bảo lãnh phát hành trái phiếu, giúp doanh nghiệp huy động vốn hiệu quả với chi phí vốn hợp lý.

1. Chuẩn hóa điều kiện phát hành;
2. Xây dựng phương án phát hành trái phiếu;
3. Tư vấn thủ tục pháp lý và Xây dựng hồ sơ phát hành;
4. Khảo sát, thăm dò, quảng bá và giới thiệu Nhà đầu tư tiềm năng;
5. Tổ chức phân phối trái phiếu và thực hiện bảo lãnh phát hành;
6. Các dịch vụ hỗ trợ sau phát hành (Đại lý đăng ký lưu ký, đại lý thanh toán…)

Tư vấn niêm yết trái phiếu

Niêm yết trái phiếu doanh nghiệp để tiến hành giao dịch công khai hiện nay chưa được các Doanh nghiệp Việt Nam quan tâm. Tuy nhiên, việc niêm yết trái phiếu Doanh nghiệp tạo cơ hội cho Doanh nghiệp được biết đến nhiều hơn, tính thanh khoản của trái phiếu cao hơn, nhờ đó Doanh nghiệp huy động vốn dễ dàng hơn. SHBS hiện đang cung cấp gói dịch vụ tư vấn niêm yết trái phiếu doanh nghiệp trên sàn giao dịch Chứng khoán nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng.

1. Tư vấn chuẩn hóa điều kiện niêm yết trái phiếu;
2. Xây dựng hồ sơ niêm yết trái phiếu;
3. Tư vấn thủ tục pháp lý niêm yết
4. Nộp hồ sơ niêm yết trái phiếu cho cơ quan chức năng;
5. Tư vấn công bố thông tin và truyền thông niêm yết;
6. Tư vấn các nội dung sau niêm yết...

DỊCH VỤ MUA BÁN, TÁI CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Với đội ngũ nhân sự có trình độ và dày dặn kinh nghiệm, SHBS tự tin cung cấp tới khách hàng những giải pháp tối ưu trong lĩnh vực mua bán, sáp nhập và tái cấu trúc doanh nghiệp.

Tư vấn mua bán – sáp nhập Doanh nghiệp

Với kinh nghiệm, sự năng động và mạng lưới các khách hàng rộng khắp trên thị trường, cùng mối quan hệ mật thiết với nhiều định chế tài chính, quỹ đầu tư và các cơ quan chức năng, SHBS có thể giúp kết nối các nhà đầu tư trong và ngoài nước và hoàn thiện việc mua bán và sáp nhập một cách nhanh chóng hiệu quả.

1. Xác định mục tiêu chiến lược mua bán, sáp nhập;
2. Phân tích, đánh giá, giới thiệu các cơ hội đầu tư;
3. Tư vấn xác định giá mua bán;
4. Tư vấn thủ tục pháp lý mua bán, sáp nhập doanh nghiệp;
5. Tổ chức đàm phán, hỗ trợ các bên thương thảo hợp đồng;
6. Tư vấn tái cấu trúc sau khi thực hiện mua bán- sáp nhập

Tư vấn tái cấu trúc tài chính Doanh nghiệp

Với đội ngũ nhân sự tư vấn SHBS nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, kiểm toán, định giá sẽ giúp doanh nghiệp đạt được cơ cấu vốn tối ưu, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và năng lực tài chính cho doanh nghiệp.

1. Phân tích và đánh giá hiện trạng tài chính của doanh nghiệp;
2. Xây dựng và đề xuất các phương án tái cấu trúc tài chính phù hợp với doanh nghiệp;
3. Thiết lập các giải pháp tối ưu để tái cấu trúc tình hình tài chính doanh nghiệp;
4. Triển khai các biện pháp để tái cấu trúc tình hình tài chính;
5. Đánh giá quá trình tái cấu trúc và phương án chỉnh sửa, bổ sung kế hoạch tái cấu trúc tài chính.

DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Tư vấn quan hệ Nhà đầu tư

Dịch vụ tư vấn quan hệ Nhà đầu tư của SHBS trực tiếp kết nối nhà đầu tư với Doanh nghiệp, giúp nhà đầu tư nhìn nhận đúng đắn, xác thực về Doanh nghiệp, tạo cơ sở vững vàng để Nhà đầu tư gắn bó với doanh nghiệp chặt chẽ hơn. Dịch vụ tư vấn quan hệ Nhà đầu tư của SHBS được hỗ trợ bởi những chuyên gia PR – Marketing nhiều kinh nghiệm, mang đến cho khách hàng dịch vụ tối ưu nhất.

1. Tư vấn quan hệ cổ đông;
2. Tư vấn truyền thông báo chí;
3. Tư vấn quan hệ các cơ quan chức năng;

Tư vấn tổ chức Đại hội đồng cổ đông

Với đội ngũ tư vấn năng động, am hiểu pháp luật và giàu kinh nghiệm, cùng những chuyên gia trong lĩnh vực PR, quảng cáo, truyền thông, tổ chức sự kiện, SHBS sẵn sàng giúp Doanh nghiệp tổ chức ĐHĐCĐ một cách chuyên nghiệp, đúng với trình tự, thủ tục theo luật định, đạt được mục đích của người triệu tập họp, đồng thời đảm bảo lợi ích của cổ đông.

1. Chuẩn bị điều kiện triệu tập ĐHĐCĐ;
2. Xây dựng hồ sơ văn kiện ĐHĐCĐ;
3. Tư vấn tổ chức ĐHĐCĐ;
4. Tư vấn lựa chọn chiến lược công bố thông tin hiệu quả;
5. Xử lý phản ứng của giới đầu tư.

Tư vấn khác

Ngoài các sản phẩm tư vấn chủ đạo, SHBS còn cung cấp các sản phẩm tư vấn tài chính doanh nghiệp khác: Tư vấn đăng ký Công ty đại chúng; Tư vấn đăng ký giao dịch Upcom; tư vấn đăng ký lưu ký, Tư vấn đăng ký thành lập công ty, chi nhánh,…

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG QUAN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2012

1. Tình hình kinh tế thế giới năm 2012

Kinh tế thế giới tăng trưởng chậm trong năm 2012. Ba nền kinh tế lớn nhất thế giới là Mỹ, Trung Quốc và Nhật Bản cũng như các nền kinh tế mới nổi đều có một năm tăng trưởng chậm chạp. Kinh tế khu vực Châu Âu chìm sâu trong khủng hoảng.

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu, theo IMF, chỉ đạt khoảng 3,3% trong năm 2012, thấp hơn mức 3,8% trong năm 2011 và 5,1% trong năm 2010. Sau khi chững lại vào cuối năm 2011, kinh tế toàn cầu đã có những bước cải thiện trong quý 1 năm 2012. Những dấu hiệu phục hồi tại nền kinh tế Mỹ cũng như những chính sách liên tục được đưa ra tại khu vực đồng tiền chung châu Âu nhằm cứu vãn cuộc khủng hoảng nợ công trầm trọng nhất trong lịch sử khu vực đã giúp vực dậy được phần nào niềm tin. Tuy nhiên, những lo ngại vào sự phục hồi lại một lần nữa bị đặt dấu hỏi kể từ quý 2 và kéo dài đến tận những tháng cuối của năm 2012.

Tại Mỹ, nền kinh tế lớn nhất thế giới, ghi nhận sự tăng trưởng khá "ì ạch" trong năm 2012. Kiên trì với các chính sách nới lỏng tiền tệ, Mỹ đã thực thi nới lỏng định lượng lần thứ ba, giữ lãi suất ở mức cực thấp 0-0,25%, tiến hành chương trình hoán đổi trái phiếu vào giữa tháng 12 và triển khai chương trình mua trái phiếu mới trị giá 45 tỷ USD vào cuối năm. Nước Mỹ đã đón nhận một số "điểm sáng" trên thị trường nhà đất, chỉ tiêu tiêu dùng, doanh số bán xe hơi và tỉ lệ thất nghiệp được cải thiện xuống mức 7,7%. Tuy nhiên, đến cuối năm, nền kinh tế Mỹ lại một lần nữa được đặt trong tình trạng báo động khi mà thời điểm kế hoạch tăng thuế và cắt giảm chi tiêu trị giá 600 tỷ USD đang đến gần, kế hoạch này hay còn gọi là "vách đá tài chính" sẽ có nguy cơ khiến kinh tế Mỹ chìm sâu vào suy thoái và mất đi 4% GDP.

Tình hình Eurozone năm 2012 có thể gói gọn trong ba từ "dễ đổ vỡ". Cuộc khủng hoảng nợ công kéo dài ba năm qua đã kéo lần lượt Hy Lạp, Ireland, Bồ Đào Nha, Cộng hòa Síp vào vòng xoáy; buộc những nước này phải xin cứu trợ của cộng đồng quốc tế để tránh vỡ nợ. Tây Ban Nha và Italy cũng đước trước nguy cơ này. Khủng hoảng nợ cũng suýt "cuốn" Pháp vào vòng xoáy này và kéo kinh tế Đức giảm tốc đáng kể. Sau nhiều nỗ lực, các nhà lãnh đạo EU tại hội nghị thượng đỉnh cuối cùng của năm 2012 đã đạt được thỏa thuận trao quyền cho ECB giám sát chung các ngân hàng trong Eurozone, nhất trí giải ngân khoản cho vay cứu trợ tổng cộng 49,1 tỷ euro nhằm giúp Hy Lạp tránh được nguy cơ vỡ nợ và rời khối… Tuy nhiên, khủng hoảng nợ công tại khu vực này vẫn chưa có được giải pháp triệt để.

Đối với Nhật Bản, các khoản đầu tư lớn để tái thiết những khu vực bị tàn phá bởi thảm họa động đất, sóng thần tháng 3/2011 đã giúp nền kinh tế lớn thứ ba thế giới phục hồi, song sự "hụt hơi" của các khoản chi này trong năm 2012 đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế thứ 3 thế giới. Do vậy, gói kích thích kinh tế liên tục được NHTƯ Nhật Bản mở rộng thông qua các chương trình mua tài sản lên tới 101.000 tỷ yên trong năm 2012 được coi là yếu tố chính giúp hỗ trợ tăng trưởng kinh tế Nhật Bản trong những năm tới.

Điểm sáng hiếm hoi trong bức tranh ảm đạm của nền kinh tế toàn cầu là các nước trong khu vực Châu Á –Thái Bình Dương, khu vực vẫn đang tăng trưởng, tiếp tục thể hiện sức chống đỡ và phát triển dẻo dai. Các nước trong khu vực Đông Á vẫn đạt mức tăng trưởng bình quân khoảng 5,6 %, cao hơn mức 4,4% của năm ngoái. Sự phục hồi tại Thái Lan sau trận lụt lịch sử năm 2011, tăng trưởng mạnh mẽ tại Philippines,… đã đóng góp quan trọng cho sự phục hồi của kinh tế Đông Á.

2. Tình hình kinh tế trong nước.

Năm 2012 tiếp tục là một năm khó khăn đối với tổng thể nền kinh tế vĩ mô nói chung và thị trường tài chính nói riêng. Trong bối cảnh đó, Việt Nam cũng không tránh khỏi những ảnh hưởng nhất định

và đang cố gắng giải quyết những vấn đề riêng của mình như lạm phát cao trong thời gian dài, lãi suất cho vay quá cao làm tổn thương hệ thống doanh nghiệp trong nền kinh tế, hệ số ICOR ở mức quá cao so với mặt bằng chung…

Theo công bố của Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2012 theo giá so sánh 1994 ước tăng 5,03% so với năm 2011. Cụ thể, GDP quý I và II chỉ tăng lần lượt 4,64% và 4,8%, quý III và quý IV tăng 5,05% và 5,44%.

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2012 tăng 9,21% so với bình quân năm 2011. Như vậy, lạm phát năm 2012 đã được kiềm chế dưới một con số và gần xấp xỉ mức lạm phát 6,52% của năm 2009 và thấp hơn nhiều so với mức tăng 11,75% của năm 2010 và 18,13% của năm 2011.

Sản xuất công nghiệp năm nay gặp khó khăn do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu chưa được hồi phục. Sức mua trong nước và nhu cầu xuất khẩu giảm nên mức tăng thấp so với một số năm trở lại đây. Tuy nhiên, sản xuất công nghiệp những tháng cuối năm đang bắt đầu có chuyển biến tích cực, theo đó chỉ số sản xuất công nghiệp có xu hướng tăng dần, chỉ số tồn kho giảm dần.Tính chung cả năm 2012, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 4,8% so với năm 2011.

2012 là năm có tỷ trọng vốn đầu tư so với GDP đạt thấp nhất kể từ năm 2000 trở lại đây. Cả năm nay, vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện đạt 989,3 nghìn tỷ đồng - chiếm 33,5% GDP và tăng 7% so với năm trước.

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 12 ước đạt 10,4 tỷ USD, tăng 0,5% so với tháng trước và tăng 15% so với năm 2011. Tính chung cả năm 2012, xuất khẩu đạt 114,6 tỷ USD, tăng 18,3%. Trong khi đó, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng 12 ước tính đạt 10,6 tỷ USD, tăng 6,5% so với tháng trước và tăng 13% so với năm 2011.

Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm năm 2012 giảm. Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi năm 2012 là 2,8%, trong đó khu vực thành thị là 1,58%, khu vực nông thôn là 3,35%. Năm 2011 các tỷ lệ tương ứng là: 2,96%; 1,58%; 3,56%.

Tăng trưởng tín dụng thu hẹp: Trong gần mười năm trở lại đây, cũng giống các nền kinh tế tương tự trong khu vực, tăng trưởng ở Việt Nam được dẫn dắt bằng tín dụng. Sự tăng trưởng đó đã giúp nền kinh tế tăng trưởng trung bình 7%/năm trong vòng một thập kỷ qua.

Theo dữ liệu công bố ngày 27/12/2012 của NHNN, tổng phương tiện thanh toán cả năm khá cao, tăng khoảng 20%; tín dụng ước tính cả năm tăng khoảng 7% (đến 20/12/2012 tăng 6,45% so với cuối năm 2011). *(Nguồn Vneconomy)*

Nợ xấu nền kinh tế tăng mạnh: Theo báo cáo gần đây nhất của Barlays tính toán, theo chuẩn phân loại nợ quốc tế, nợ xấu của Việt Nam vào khoảng 20% tương ứng 560 nghìn tỷ đồng (khoảng 27 tỷ USD) tương đương 20% GDP. Đây là một "tảng băng" có thể kéo chìm nền kinh tế trong ngắn hạn nếu không được nhanh chóng xử lý. Nhiều chuyên gia cho rằng, nếu xử lý chậm, khả năng Việt Nam sẽ rơi vào một "thập kỷ mất mát" trong tương lai gần.

Bất động sản đóng băng: Năm 2012 là một năm u ám với thị trường bất động sản với tỷ lệ nợ xấu lên đến 28.000 tỷ đồng, số căn hộ tồn kho là 15.000 căn, 500 sàn và trung tâm giao dịch BĐS năm 2010 chỉ còn lại dưới 100 tính đến cuối tháng 12/2012. So với thời điểm 31/12/2011, tổng dư nợ bất động sản khoảng 207.595 tỷ đồng, tăng 3,6% trong đó nợ xấu khoảng 13,5% tổng dư nợ BĐS tương đương 28.000 tỷ đồng. Dư nợ tín dụng của HCM cao hơn Hà Nội, chiếm khoảng 47,8%, HN là 23,7%. Tính chung cả HN và HCM, dư nợ tín dụng liên quan đến BĐS là 1,24 triệu tỷ đồng.

3. Thị trường chứng khoán thế giới

Diễn biến của thị trường chứng khoán thế giới trong năm 2012 khá tích cực. Hầu hết các thị trường lớn của cả ba khu vực châu Mỹ, châu Âu và châu Á đều đạt được mức tăng trưởng khá. Trong đó, thị trường Đức, Nhật Bản và Hồng Kông dẫn đầu với con số tăng trưởng cuối năm so với đầu năm lần lượt là 23,45%; 21,44% và 20,02%.

Thị trường	Chỉ số	3/1/2012 (điểm)	31/12/2012 (điểm)	Tăng/Giảm
Mỹ	Dow Jones	12.397,38	13.104,14	+5,70 %
	S&P 500	1.277,06	1.426,19	+11,68 %
	Nasdaq	2.648,72	3.019,51	+14,00 %
Anh	FTSE 100	5.699,90	5.897,81	+3,47 %
Pháp	CAC 40	3.222,30	3.641,07	+13,00 %
Đức	DAX	6.166,57	7.612,39	+23,45 %
Nhật	Nikkei 225	8.560,11	10.395,18	+21,44 %
Hồng Kông	Hang Seng	18.877,41	22.656,92	+20,02 %
Trung Quốc	Shanghai Composite	2.169,39	2.269,13	+4,60 %
Đài Loan	Taiwan Weighted	7.053,38	7.699,50	+9,16 %
Hàn Quốc	Kospi Composite	1.826,37	1.997,05	+9,35 %
Singapore	Straits Times	2.688,36	3.167,08	+17,81 %

Nguồn: Bloomberg

Chốt phiên giao dịch cuối cùng của năm 2012, các chỉ số chính trên thị trường chứng khoán Mỹ đồng loạt hồi phục và tăng mạnh hơn 1%, đưa mức tăng trong cả năm lên trên 10%.

Năm 2012 là năm tăng mạnh nhất của Chứng khoán Nhật Bản kể từ năm 2005 khi lạm phát giảm làm tăng khả năng nước này tăng kích thích kinh tế. Trong phiên cuối cùng năm 2012 của Nhật Bản, chỉ số Nikkei 225 của Nhật Bản tăng 23%, mức tăng mạnh nhất kể từ năm 2005. Trong tháng 12/2012, hầu hết các thị trường chứng khoán Châu Á tăng điểm bất chấp các cuộc đàm phán ngân sách của quốc hội Mỹ bế tắc.

Chỉ trong vòng 1 tháng cuối năm 2012, thị trường chứng khoán Trung Quốc đã lấy lại được toàn bộ những mất mát từ đầu năm. Đóng cửa phiên giao dịch ngày 25-12, chỉ số Tổng hợp Thượng Hải tăng 2,5% lên 2.213,61 điểm và tăng 0,6% so với đầu năm. Chỉ số Thượng Hải đã tăng 13% kể từ

mức thấp kỷ lục 1.959,77 điểm lập ngày 3-12, trong bối cảnh các nhà lãnh đạo mới cho biết sẽ thúc đẩy phát triển thành thị như một phần cải tổ kinh tế.

4. Thị trường chứng khoán Việt Nam

TTCK Việt Nam đã trải qua một năm nhiều biến động. Cả hai chỉ số giá tổng hợp VN-Index và HNX-Index đều đi lên mạnh mẽ trong 4 tháng đầu năm và quay đầu giảm điểm trong suốt thời gian còn lại. Tính thanh khoản của thị trường biến động cùng chiều với chỉ số. KLGD và GTGD trên cả hai sàn đều tăng mạnh trong 4 tháng đầu năm và sụt giảm mạnh trong suốt thời gian từ tháng 5 đến tháng 11 cho thấy tình trạng ảm đạm kéo dài của thị trường. Giá trị giao dịch bình quân trên HOSE đạt 881,5 tỷ đồng/phiên. Các cổ phiếu trên HOSE đang được định giá ở mức 11,3 lần lợi nhuận và 1,5 lần giá trị sổ sách (P/B). Huy động vốn qua TTCK năm nay tăng mạnh với trái phiếu doanh nghiệp trong khi đó qua phát hành cổ phiếu và IPO đạt giá trị rất thấp. Tổng số vốn huy động được qua TTCK năm 2012 là 41 nghìn tỷ đồng, giảm 30% so với năm 2011.

Năm 2012, VN-Index tăng 17,6% so với cuối năm 2011 trong khi HNX-Index giảm 2,81%. HNX-Index đã liên tục phá đáy lịch sử trong những ngày giao dịch của tháng 11/2012, với mức đáy kỷ lục thiết lập ngày 6/11 là 50,33 điểm.

Thanh khoản giảm mạnh và gần như cạn kiệt trong những ngày giao dịch tháng 11, bình quân 2 sàn giao dịch khớp lệnh 300 tỷ đồng/phiên, tuy nhiên nếu tính tổng thể cả năm 2012, quy mô giao dịch bình quân mỗi phiên đạt 1.316 tỷ đồng, tăng 28% so với năm 2011 nhờ kéo dài thời gian giao dịch buổi chiều.

Về giá, 50% số mã niêm yết sàn HoSE (157 mã) và 70% mã niêm yết sàn Hà Nội (281 mã) giao dịch dưới mệnh giá, trong đó 75 mã sàn HoSe và 131 mã sàn Hà Nội có giá dưới 5.000 đồng/cp.

Hàng loạt CTCK bị mất thanh khoản và bị Trung tâm lưu ký phạt, thậm chí hủy lệnh giao dịch, đình chỉ lưu ký 10 ngày vì không thanh toán tiền cho VSD sau khi áp dụng T+3: GBS, TAS…

Có 187 đợt phát hành cổ phiếu và 23 đợt phát hành trái phiếu thành công trong năm 2012. Khoảng 30% đợt phát hành cổ phiếu là phát hành có thu tiền, tổng số tiền thu về của các doanh nghiệp là hơn 8.3 nghìn tỷ VND. 61% các đợt phát hành trái phiếu là trái phiếu chuyển đổi và là phát hành riêng lẻ cho các đối tượng là các cổ đông chiến lược.

Có 22 cổ phiếu bị hủy niêm yết trong năm 2012. Tính chung đến nay trên hai sàn có 702 cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết với tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá là 338.300 tỷ đồng, tăng 20% so với năm 2011.

Về huy động vốn, tổng giá trị huy động vốn từ cổ phiếu và cổ phần hóa là 10.100 tỷ đồng, giảm 30% so với năm 2011, tuy nhiên huy động vốn qua trái phiếu Chính phủ lại tăng cao, đạt 142.500 tỷ đồng, tăng 75% so với năm 2011.

TTCK Việt Nam trong phiên giao dịch cuối cùng của tháng 12/2012 diễn ra khá bất ngờ đối với nhiều nhà đầu tư khi tổng giá trị giao dịch (GTGD) trên Sở Giao dịch Chứng khoán (SGDCK) Tp. HCM (HOSE) tăng đột biến lên mức 1.874 tỷ đồng - một con số hiếm hoi duy nhất trong suốt 50 phiên giao dịch vừa qua.

Stt	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			Tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước	
	Chỉ tiêu	2011	2012	(+)/(-)	%
1	Tổng Doanh thu	79,193,381,363	107,399,547,813	28,206,166,450	135.62
2	Tổng chi phí	60,672,999,564	106,552,462,774	45,879,463,210	175.62
LỢI NHUẬN THUẦN		18,520,381,799	847,085,039	(17,673,296,760)	4.57

ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2013

Trên cơ sở phân tích tình hình vĩ mô nói chung và TTCK nói riêng, năm 2013 vẫn thực sự là những năm khó khăn đối với TTCK nói chung và các Công ty chứng khoán nói riêng. Trên cơ sở phân tích như vậy quan điểm chủ đạo của Ban điều hành SHBS trong năm 2013 là tập trung hoàn thiện nền tảng về nhân sự, sản phẩm, công nghệ và hệ thống quy trình nghiệp vụ đảm bảo tính cạnh tranh cao nhất để đón đầu chu kỳ phát triển mới của thị trường. Cụ thể:

a) Về doanh thu

Tập trung tối đa nguồn lực vào các mảng hoạt động có thể tạo ra doanh thu. Đồng thời SHBS tập trung thực hiện nhiệm vụ với tư cách là một công ty con của SHB để thực hiện các Hợp đồng tái cấu trúc và xử lý nợ, thực hiện các hợp đồng thu xếp vốn đối với các khách hàng của SHB. Xây dựng mô hình dịch vụ khép kín cho khách hàng khi đến với SHB.

b) Về chi phí

Tiết giảm tối đa các chi phí hoạt động nhưng vẫn đảm bảo duy trì định hướng hoạt động lâu dài, cụ thể là Xây dựng bộ máy gọn nhẹ; Đào tạo nội bộ đảm bảo tính đa năng của đội ngũ nhân sự; Tạm dừng triển khai các mảng chưa tạo ra doanh thu tức thì; Tận dụng tối đa các nguồn lực từ SHB (bao gồm cơ sở vật chất, nguồn nhân lực và vốn) để phát triển mạng lưới, xây dựng sản phẩm cạnh tranh.

c) Mục tiêu

Hoàn thiện việc tăng vốn lên 350 tỷ. Giải quyết dứt điểm tình hình nợ xấu. Hoàn thiện việc cải tạo, xây dựng Trụ sở mới và Chi nhánh. Đầu tư đổi mới hệ thống công nghệ.Hoàn thiện việc xây dựng bộ máy, xây dựng sản phẩm. Tạo lập nền tảng vững chắc trong mọi hoạt động để chờ đón cơ hội của thị trường.

Tăng thị phần môi giới từ 0,7 lên 1% toàn thị trường. Số lượng tài khoản đạt mốc 10.000 tài khoản trong đó có 50 tài khoản tổ chức, tỷ lệ Tài khoản active đạt 35%.

Mạng lưới: duy trì 01 chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh, liên kết với hệ thống SHB để phát triển các điểm nhận lệnh tại Hải phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, Quảng Ninh.

Lợi nhuận đạt >10 % trên vốn sử dụng.

Xây dựng văn hóa SHBS tạo ra một môi trường làm việc chuyên nghiệp và hiệu quả, xứng đáng là nơi gửi gắm niềm tin của người lao động đồng thời khẳng định văn hóa của ngân hàng mẹ - SHB.

d) Chiến lược:

Chiến lược khác biệt hóa: Thành công từ sự khác biệt.

Áp dụng nguyên lý 80/20 cho các hoạt động.

Lấy điểm tựa là SHB xây dựng nghiệp vụ của SHBS, sử dụng sản phẩm chéo với SHB.

Định hướng xây dựng và phát triển Công ty theo mô hình Ngân hàng đầu tư, lấy hoạt động tư vấn làm nền tảng, từ đó phát triển các mảng hoạt động khác.

Giai đoạn trước mắt phải tận dụng tối đa cơ hội thị trường để tạo lợi nhuận ngắn hạn từ hoạt động đầu tư, đồng thời đẩy mạnh phát triển hoạt động Môi giới từ danh mục khách hàng hiện có và khai thác tối đa sức mạnh từ hệ thống công nghệ.

Chọn thị trường ngách làm nơi tạo dựng Thương hiệu: phát triển các Chi nhánh ở những thị trường ngách tiềm năng như Hải Phòng, Đà Nẵng, Quảng Ninh, Cần Thơ,… từ đó xây dựng nguồn lực để cạnh tranh trực diện tại hai thị trường lớn là Hà Nội và Tp. HCM.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2012

CHI TIẾT KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2012

M·	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2011
01	**1. Doanh thu**	**102 592 880 932**	**79 193 381 363**
	Trong đó:		
01.1	- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	47 035 552 648	43 028 007 114
01.2	- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	7 443 546 959	1 300 176 306
01.3	- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		
01.4	- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		
01.5	- Doanh thu hoạt động tư vấn	1 430 355 508	15 212 053 237
01.6	- Doanh thu lưu ký chứng khoán	725 680 730	49 822 472
01.7	- Doanh thu hoạt động ủy thác đấu gía		
01.8	- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		
01.9	- Doanh thu khác	45 957 745 087	19 603 322 234
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**		
10	**3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)**	**102 592 880 932**	**79 193 381 363**
11	**4. Chi phí hoạt động kinh doanh**	**89 297 380 753**	**45 154 498 905**
20	**5. Lợi nhuận của hoạt động kinh doanh (20=10-11)**	**13 295 500 179**	**34 038 882 458**
25	**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**17 205 468 871**	**15 488 017 866**
30	**7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)**	**-3 909 968 692**	**18 550 864 592**
31	**8. Thu nhập khác**	**4 806 666 881**	**23 516 354**
32	**9. Chi phí khác**	**49 613 150**	**160 120 755**
40	**10. Lợi nhuận khác (40=31-32)**	**4 757 053 731**	**- 136 604 401**
50	**11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	**847 085 039**	**18 414 260 191**
51	**12. Chi phí thuế TNDN hiện hành**		**3 429 178 081**
52	**13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại**		
60	**14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)**	**847 085 039**	**14 985 082 110**
70	**15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**		

Nguồn: BCTC SHBS Kiểm toán 2012

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NÓI CHUNG

Về doanh thu: Kết thúc năm 2012, các CTCK tên tuổi đang trở lại dẫn đầu lợi nhuận trên thị trường. Lợi nhuận sau thuế của CTCP Chứng khoán Sài Gòn (SSI) đạt 448,5 tỷ đồng, cao nhất trong số các CTCK đã công bố kết quả kinh doanh và dự báo cáo nhất toàn thị trường năm 2012. Đây là sự phục hồi ấn tượng của SSI khi năm 2011 công ty lỗ 59,14 tỷ đồng.

Năm 2012, lợi nhuận của SSI tăng mạnh khi các hoạt động của công ty này tăng trưởng mạnh trong năm nay, trong đó, doanh thu từ môi giới (+10,21%), tự doanh (+35,65%), tư vấn (+109,54%), lưu ký (+108,73%) trong khi doanh thu khác giảm 19,04%.

CTCP Chứng khoán Tp.HCM (HCM) xếp thứ 2 với mức lợi nhuận 246,38 tỷ đồng, tiếp đến là CTCK FPT(FPTS) với mức lợi nhuận 126,46 tỷ đồng. Tiếp đến là CTCP Chứng khoán Vndirect (VND), CTCP Chứng khoán Bảo Việt (BVS), CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (CTS), CTCP Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (AGR)... đây là những công ty nằm trong Top 10 môi giới chứng khoán.

Các CTCK khác mặc dù lợi nhuận chưa đạt được tương xứng với nguồn vốn cả trăm đến nghìn tỷ đồng nhưng kết quả năm 2012 vẫn khả quan hơn năm 2011 như CTCP Chứng khoán Kim Long (KLS), CTCP Chứng khoán Bảo Việt (BVS), CTCP Chứng khoán MB (MBS), CTCP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSI).

Trong số các CTCK đã công bố BCTC, CTCP Chứng khoán Sacombank (SBS) dẫn đầu với mức lỗ 128 tỷ đồng. SBS có thể phải đối mặt với việc hủy niêm yết bắt buộc khi mà công ty thông báo vốn chủ sở hữu âm hơn 245 tỷ đồng, lỗ lũy kế đến hết năm 2012 lên đến 1.761 tỷ đồng, trong khi vốn điều lệ chỉ có 1.266 tỷ đồng. Năm 2011, công ty đã lỗ 610 tỷ đồng.

Các CTCK khác có mức lỗ thấp hơn. Tuy nhiên, điều đáng lo ngại là một số công ty có lỗ lũy kế tăng nhanh, vượt vốn điều lệ của công ty. Trường hợp của CTCK Quốc tế (VISE), công ty báo lỗ gần 23 tỷ đồng, thấp hơn khoản lỗ gần 53 tỷ đồng ở năm 2011 nhưng mức lỗ lũy kế đến hết năm 2012 là hơn 73 tỷ đồng. Hay như CTCK Âu Việt (AVS) báo lỗ hơn 10 tỷ đồng, lỗ lũy kế đến hết năm là hơn 151 tỷ đồng. Đến nay, AVS đã ngừng hẳn các nghiệp vụ kinh doanh và đang chờ ĐHĐCĐ thông qua quyết định giải thể công ty.

Lỗ nặng và "bê bối" còn phải kể đến trường hợp CTCK Tràng An (TAS). TAS chưa báo cáo kết quả kinh doanh quý 4 nhưng công ty này lỗ 7,4 tỷ đồng 9 tháng đầu năm. Mới đây, Tổng Giám đốc TAS, ông Lê Hồ Khôi bị bắt do có hành chỉ đạo nhân viên dưới quyền xác nhận khống các mã chứng khoán, hợp thức hồ sơ nhận uỷ thác đầu tư của khách hàng để vay rồi chiếm đoạt tiền. Đây cũng là nguyên nhân khiến công ty này lỗ nặng và phải rời sàn.

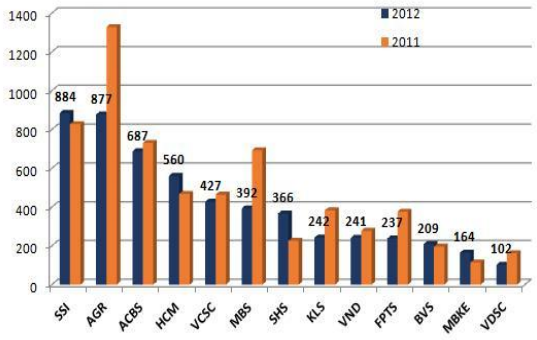

Các công ty có doanh thu lớn năm 2012

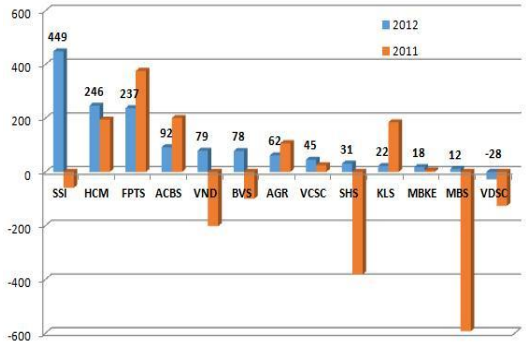

Lợi nhuận các CTCK lớn năm 2012

Tình hình hoạt động: Năm 2012 đánh đấu nhiều biến cố trong hoạt động của các CTCK: 11 CTCK bị đặt trong tình trạng kiểm soát đặc biệt. 10 Công ty chứng khoán bị/xin rút nghiệp vụ môi giới, 3 Công ty chứng khoán bị đình chỉ hoạt động; 3 Công ty chuẩn bị hồ sở xin rút khỏi sàn. Năm 2012 cũng đánh dấu một số lãnh đạo các CTCK bị bắt và khởi tố: SME, IBS, CK Hà Thành, Liên Việt, Tràng An.

Trong năm 2012, hoạt động của các CTCK bị siết mạnh. Trong đó, đáng chú ý là Thông tư 52/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính yêu cầu CTCK phải thực hiện báo cáo tài chính bán niên và soát xét, báo cáo tỷ lệ an toàn vốn khả dụng định kỳ. Mới đây nhất, Thông tư 165/2012/TT-BCT của Bộ Tài chính có hiệu lực từ ngày 1/12/2012 đã rút ngắn thời gian kiểm soát đặc biệt của các CTCK trong diện này, thêm diện CTCK bị kiểm soát đặc biệt...

Năm 2012 vẫn đánh dấu hoạt động mang tính thay tên, đổi chủ của một số CTCK. Đó là trường hợp RUBSE đổi tên thành CTCK Delta sau khi chủ cũ của RUBSE là Tập đoàn Cao su đã thoái toàn bộ vốn tại CTCK này. Trong năm 2012, TTCK cũng đón nhận sự kiện CTK Kim Eng Việt Nam đổi tên thành CTCK Maybank KimEng (MBKE) do những thay đổi chủ sở hữu ở cổ đông lớn nhất.

HOẠT ĐỘNG CỦA SHBS

Trải qua hơn 5 năm hoạt động, HBBS trước khi sáp nhập chủ yếu phục vụ cho các hoạt động của Ngân hàng mẹ. Thế mạnh trước đây của HBBS là hoạt động tư vấn, đặc biệt là tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp. Tuy nhiên toàn bộ đội ngũ nhân sự của mảng Tư vấn đã chuyển công tác, để lại một khoảng trống rất lớn trong việc kế thừa và phát triển. Hoạt động Môi giới không được chú trọng khi không có được các công cụ hỗ trợ phát triển. Hệ thống công nghệ trước đây sự dụng hệ thống của FPT đã rất lạc hậu. Đến tận năm 2011 mới thay thế phần mềm nước ngoài tuy nhiên quá trình đầu tư gặp vấn đề khi lựa chọn đối tác không phù hợp. Hoạt động hỗ trợ vốn cho nhà đầu tư cũng mới được triển khai từ năm 2011, tuy nhiên lại gặp vấn đề trong khâu thực hiện và đã để xảy ra rủi ro trong quá trình nhận tài sản cầm cố. Hoạt động đầu tư chỉ được triển khai vào những năm đầu thành lập, tuy nhiên đã không có giải pháp cho nguồn vốn đã giải ngân dẫn đến thiệt hại quá lớn và danh mục vẫn còn tồn đến thời điểm sáp nhập. Cụ thể đối với từng hoạt động như sau:

Đối với hoạt động môi giới và dịch vụ tài chính: Doanh thu hoạt động Môi giới của SHBS trong năm 2012 so với năm 2011 tăng khoảng 5%, tuy nhiên doanh thu phí năm 2012 chỉ bằng 84% so với năm 2011, thị phần giữ nguyên ở mức 0,7-0,8%. Ngoài yếu tố đó hoạt động Môi giới của HBBS (nay là SHBS) không có gì khởi sắc hơn so với các năm trước. Một phần do nguồn lực nhân sự yếu khi thiếu hụt lãnh đạo trực tiếp và mảng nhân sự bán hàng, một phần do không có được sự quan tâm định hướng và hỗ trợ từ HBB cũ và HĐQT HBBS trước đây, dẫn đến không có sản phẩm hỗ trợ và có sức cạnh tranh với đối thủ. Sau khi sáp nhập, Ban lãnh đạo mới đã tiến hành rà soát, đánh giá lại tiềm năng và đưa ra những định hướng cụ thể cho hoạt động Môi giới. Tính đến cuối tháng 10/2012, SHBS có gần 10.000 tài khoản với tỷ lệ tài khoản có số dư là gần 40% nhưng tỷ lệ hoạt động chỉ vào khoảng 35%. Thị phần giao dịch duy trình trung bình ở mức: 0.7% trên HNX và HSX.

Đối với các hoạt động Tự doanh, Tư vấn, Phân tích: Về hoạt động đầu tư HBBS trước đây đã không triển khai thực hiện từ năm 2010, số dư danh mục hiện tại gần 20 tỷ là tồn đọng của khoản đầu tư trước 2010. Tuy nhiên vấn đề nằm ở chỗ đã không có nhân sự chuyên trách theo dõi và có ý kiến đề xuất liên quan đến danh mục để có thể giảm thiểu tối đa tổn thất khi thực hiện quyết toán danh mục. Trong danh mục có những mã cổ phiếu giảm giá đến gần 100%. Hoạt động Phân tích cũng không được chú trọng khi điều quan trọng nhất của bộ phận này là con người thì lại thiếu hụt cả lãnh đạo phòng và chuyên viên cao cấp. Mảng Tư vấn từng được coi là thế mạnh vượt trội của HBBS khi đây là một trong những doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực tư vấn trái phiếu doanh nghiệp. Tuy nhiên toàn bộ nhân sự của mảng Tư vấn đã cùng nghỉ việc tại HBBS từ năm 2010 và họ cũng mang theo toàn bộ quy trình nghiệp vụ, khách hàng và kể cả dữ liệu file lưu trữ. Năm 2012 nhân sự của các mảng này dường như không còn tồn tại, các hoạt động hoàn toàn bị ngưng trệ. Sau thời điểm sáp nhập, các bộ phận này mới được xây dựng lại cả về mặt nhân sự, quy chế, quy trình nghiệp vụ và mạng lưới khách hàng.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Đội ngũ nhân sự

Tính đến trước thời điểm sáp nhập HBB vào SHB và chuyển đổi tên thành Công ty Chứng khoán SHB, nhân sự của HBBS là 53 người. Tính đến cuối năm 2012, SHBS đã hoàn thiện cơ cấu nhân sự với đầy đủ các phòng ban với số lượng nhân sự đạt 58 người bao gồm Hội sở chính và chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh.

STT	Phòng/Ban	Hội sở (người)	Chi nhánh (người)
1.	Ban Tổng Giám đốc	4	1
2.	Khối Môi giới: KHCN; Khách hàng VIP; KHTC& NĐTNN; Lưu ký và QL cổ đông.	11	3
3.	Khối Ngân hàng Đầu tư: Tư vấn TCDN; Phân tích&BLPH; Đầu tư	5	0
4.	Khối Tài chính: Kế toán, Nguồn, Quản lý rủi ro & HTTC	10	1
5.	P. Marketing & Phát triển sản phẩm	2	0
6.	Phòng Hành chính Nhân sự	7	1
7.	Phòng Pháp chế & KSNB	3	0
8.	Phòng Công nghệ thông tin	8	2
	Tổng	50	8

Trong đó:

- 09/58 có trình độ Thạc sỹ chiếm 16%
- 44/58 có trình độ Đại học chiếm 75%
- 03/58 có trình độ Cao đẳng chiếm 5%
  02/58 có trình độ Trung cấp, THPT chiếm 4%.

2. Cơ cấu tổ chức

3. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG NGUYỄN VĂN LÊ
Chủ tịch Hội đồng quản trị SHBS

Ông Nguyễn Văn Lê hiện là Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB), Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và Khai thác Tài sản (SHAMC), Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Bảo hiểm SHB - Vinacomin (SVIC), Công ty Thủy sản Gentraco, Thành viên HĐQT Công ty Quản lý Quỹ Sài Gòn - Hà Nội (SHF), Công ty CP Phát triển đô thị và khu CN SHB (SHB Land).

Ông Nguyễn Văn Lê được tín nhiệm bầu chọn làm Chủ tịch Hội đồng quản trị SHBS với hơn 18 năm kinh nghiệm quản lý điều hành trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Đặc biệt, Ông liên tiếp nhiều năm đạt bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, giải thưởng Nhà lãnh đạo xuất sắc. Ông được tin tưởng sẽ đồng hành cùng SHBS với những định hướng chỉ đạo sáng suốt nhất nhờ trải nghiệm dày dạn và những thành công có được trên thị trường tài chính, chứng khoán Việt Nam.

Bà Ninh Thị Lan Phương
Thành viên Hội đồng quản trị SHBS

Bà Ninh Thị Lan Phương hiện là Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội. Trước khi được bầu làm Thành viên HĐQT SHBS, bà Phương đã có nhiều năm công tác tại Ngân hàng TMCP Quốc tế trong lĩnh vực tài chính kế toán với vai trò kế toán, kiểm soát kế toán và kế toán trưởng. Bà Phương đã có 04 năm là kế toán trưởng của Ngân hàng Việt Thái HN. Tốt nghiệp Học viện ngân

hàng chuyên ngành Tài chính Ngân hàng, Bà Phương đã hoàn thành chương trình đào tạo Thạc sỹ Tài chính – Tín dụng. Được bổ nhiệm làm Thành viên HĐQT SHBS, Bà Phương tin tưởng sẽ có đóng góp những kinh nghiệm quý báu của mình trong lĩnh vực quản trị tài chính, giúp SHBS đạt được những mục tiêu đã đề ra.

Bà Ngô Thu Hà
Thành viên Hội đồng quản trị SHBS

Bà Ngô Thu Hà hiện là Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TCMP Sài Gòn – Hà Nội. Sau khi tốt nghiệp Học Viện Ngân hàng, bà Hà đã hoàn thành chương trình thạc sỹ quản trị kinh doanh. Năm 2009, bà Hà bảo vệ thành công luận án Tiến sỹ sau khi hoàn thành chương trình Nghiên cứu sinh tại đại học Allborg – Đan Mạch.

Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính Ngân hàng, bà Ngô Thu Hà đã trải qua nhiều vị trí khác nhau tại các Ngân hàng hàng đầu trong khu vực và Việt Nam như: Ngân hàng Tokyo-Misubishi – Nhật Bản, Phụ trách thẩm định tài chính dự án tại Công ty Điện toán và Truyền số liệu – Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam. Sau khi trải qua nhiều vị trí tại Ngân hàng TCMP Sài Gòn – Hà Nội như: Trợ lý TGĐ, Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp, Phó Giám đốc, Bà Hà đã được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc SHB. Bà Hà đã vinh dự nhận danh hiệu chiến sỹ thi đua và Bằng khen của Thống đốc NHNN Việt Nam. Với vai trò là Thành viên HĐQT của SHBS, bà Hà sẽ mang lại nhiều kinh nghiệm quý báu trong việc định hướng chiến lược kinh doanh và kế hoạch hoạt động của Công ty.

Bà Hoàng Thị Mai Thảo
Thành viên Hội đồng quản trị SHBS

Trước khi được bổ nhiệm làm Giám đốc khối Nguồn vốn của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, bà Hoàng Thị Mai Thảo đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng, đặc biệt

là hoạt động huy động và kinh doanh Nguồn vốn. Bà Thảo đã từng giữ vị trí Trưởng phòng Nguồn vốn, Giám đốc CN Ngô Quyền của Ngân hàng VP. Hiện bà Thảo đã hoàn thành chương trình Thạc sỹ tài chính Ngân hàng. Với vai trò là Thành viên HĐQT SHBS, bà Thảo sẽ có những tư vấn chiến lược về hoạt động huy động, sử dụng và kinh doanh nguồn, làm cầu nối hữu hiệu giữa SHB và SHBS trong việc sử dụng các dịch vụ tài chính hữu hiệu nhất.

ÔNG NGUYỄN THẾ MINH
Thành viên Hội đồng Quản trị SHBS

Ông Nguyễn Thế Minh là một chuyên gia dày dạn kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính chứng khoán. Trước khi gia nhập SHBS với tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc, bằng khả năng lãnh đạo sắc sảo và nhạy bén, Ông Minh đã rất thành công với vị trí Tổng Giám đốc tại các Công ty chứng khoán như CTCK Việt Tín, CTCK Sài Gòn – Hà Nội và CTCK Chứng khoán Hải Phòng, CTCK Maritime Bank. Ngoài ra thời gian công tác tại Ngân hàng Công thương Việt Nam (1992-1996) và đảm nhận các vị trí lãnh đạo tại một số doanh nghiệp như Công ty SXKD-XNK Chấn Hưng, Công ty CPTM Nghệ An tại Hà Nội (1997 – 2006) cũng mang lại cho Ông nhiều kinh nghiệm quá báu khác. Ông Minh đã hoàn thành Chương trình Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh (MBA) được tổ chức bởi Đại học HSB – Irvine (Hoa Kỳ).

BAN KIỂM SOÁT

Ông Nguyễn Đình Dương
Trưởng Ban kiểm soát SHBS

Ông Trần Minh Thuyết
Thành viên Ban kiểm soát SHBS

Ông Trịnh Kỳ Sơn
Thành viên Ban kiểm soát SHBS

4. Ban Tổng giám đốc

ÔNG NGUYỄN THẾ MINH
Tổng Giám đốc SHBS

Ông Nguyễn Thế Minh là một chuyên gia dày dạn kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính chứng khoán. Trước khi gia nhập SHBS với tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc, bằng khả năng lãnh đạo sắc sảo và nhạy bén, Ông Minh đã rất thành công với vị trí Tổng Giám đốc tại các Công ty chứng khoán như CTCK Việt Tín, CTCK Sài Gòn – Hà Nội và CTCK Chứng khoán Hải Phòng, CTCK Maritime Bank. Ngoài ra thời gian công tác tại Ngân hàng Công thương Việt Nam (1992-1996) và đảm nhận các vị trí lãnh đạo tại một số doanh nghiệp như Công ty SXKD-XNK Chấn Hưng, Công ty CPTM Nghệ An tại Hà Nội (1997 – 2006) cũng mang lại cho Ông nhiều kinh nghiệm quá báu khác. Ông Minh đã hoàn thành Chương trình Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh (MBA) được tổ chức bởi Đại học HSB – Irvine (Hoa Kỳ).

BÀ LÊ THỊ THU HIỀN
Phó Tổng Giám đốc SHBS

Bà Lê Thị Thu Hiền có 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, trong đó 10 năm tham gia thị trường chứng khoán Việt Nam với tư cách là chuyên gia tư vấn. Bà Hiền từng trực tiếp tham gia và điều hành nhiều nhóm tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp, tư vấn phát hành, bảo lãnh phát hành, xây dựng điều lệ, tư vấn niêm yết cho nhiều doanh nghiệp lớn hàng đầu tại Việt Nam. Bà Hiền đã hoàn thành Chứng chỉ sau Đại học, Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright, Trung tâm doanh nghiệp và chính phủ, Trường quản lý nhà nước, Trường kinh doanh Harvard.

BÀ LÊ KIM CHI
Giám đốc Tài chính SHBS

Bà Lê Kim Chi có 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, chính thức gia nhập Ngân hàng Habubank từ năm 1996, đã trải qua nhiều vị trí như Trưởng phòng tài chính- Kế toán tại Hội sở chính, Phó Giám đốc Chi nhánh Hàm Long, phụ trách tài chính và phát triển tín dụng cá nhân. Từ tháng 4/2006 tới nay giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty chứng khoán Habubank và vừa được bổ nhiệm là Giám đốc Khối Tài chính SHBS vào tháng 9/2012. Bà Chi là một trong các thành viên tham gia sáng lập Công ty, từng tham gia nhiều các hoạt động tư vấn và môi giới chứng khoán, tham gia thu xếp và bảo lãnh thành công nhiều đợt phát hành trái phiếu cho các tổng công ty, các tập đoàn kinh tế hàng đầu Việt Nam. Bà Chi tốt nghiệp khóa Thạc sỹ Quản trị kinh doanh của Đại học Quốc gia Hà Nội.

ÔNG ĐINH NGỌC PHƯƠNG
Giám đốc khối Ngân hàng Đầu tư SHBS

Trước khi tiếp quản vị trí Giám đốc Khối Ngân hàng đầu tư SHBS, Ông Đinh Ngọc Phương từng đảm nhận vị trí lãnh đạo các bộ phận Phân tích, Đầu tư, Bảo lãnh phát hành và là Trợ lý Tổng Giám đốc tại các Công ty chứng khoán lớn. Ông Phương đã có những trải nghiệm dày dạn và đóng góp những quyết định chiến lược quan trọng trong quá trình hoạt động tại CTCK Ngân hàng Công Thương Việt Nam, CTCK Sài Gòn – Hà Nội, CTCK Hải Phòng và đặc biệt tích lũy những kinh nghiệm hết sức quý báu trong mảng Ngân hàng đầu tư. Ông Phương đã tốt nghiệp Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng tại Việt Nam.

5. Chính sách nhân sự

Chiến lược nhân sự

- Xây dựng nguồn nhân lực xuất sắc với tinh thần tận tâm cống hiến, có ý thức tự đào tạo, có khả năng tác nghiệp độc lập và theo nhóm để tạo ra giá trị cốt lõi cho SHBS.
- Xây dựng nguồn nhân lực có năng lực và đạo đức nghề nghiệp đáp ứng được các mục tiêu lâu dài của SHBS

Chính sách phát triển nguồn nhân lực

- Nhân lực là nguồn tài sản quý giá và then chốt của doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Tài chính như SHBS.
- Xây dựng nguồn nhân lực có khả năng đáp ứng được quá trình phát triển của đất nước, của ngành tài chính và mục tiêu của SHBS là lọt vào TOP những công ty Chứng khoán hàng đầu Việt Nam
- Thực hiện chính sách phát triển nguồn nhân lực nội bộ, trong Tập đoàn đồng thời tuyển dụng bổ sung nhân lực từ bên ngoài.

Thực hiện chính sách sử dụng nguồn nhân lực lâu dài bằng các chương trình huấn luyện đào tạo và phân công công việc hợp lý , kết hợp với các chính sách lương, thưởng nhằm tạo môi trường, động lực tốt nhất để nguồn nhân lực phát triển đồng hành với doanh nghiệp.

Những thay đổi về thành viên Hội đồng quản trị và ban điều hành trong năm 2012 như sau:

Hội đồng Quản trị

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm 2012 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	*Chức danh*	*Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm*
Ông Nguyễn Văn Lê	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2012
Ông Nguyễn Thế Minh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2012
Bà Ngô Thu Hà	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2012
Bà Ninh Thị Lan Phương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2012
Bà Hoàng Thị Mai Thảo	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2012
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2012
Bà Nguyễn Thị Thanh Bình	Thành viên	miễn nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2012
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2012

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2012 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	*Chức danh*	*Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm*
Ông Nguyễn Đình Dương	Trưởng ban kiểm soát	bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2012
Ông Trịnh Kỳ Sơn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2012
Ông Lê Minh Thuyết	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2012
Bà Trần Thị Lan Hương	Thành viên	miễn nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2012

Ban Điều hành

Các thành viên Ban Điều hành trong năm 2012 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	*Chức danh*	*Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm*
Ông Nguyễn Thế Minh	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2012
Bà Lê Thị Thu Hiền	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2012
Bà Lê Kim Chi	Giám đốc Khối Tài chính	bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2012
Ông Đinh Ngọc Phương	Giám đốc Khối Ngân hàng đầu tư	bổ nhiệm ngày 4 tháng 9 năm 2012
Ông Dương Xuân Phương	Phó Giám đốc	miễn nhiệm ngày 24 tháng 9 năm 2012

-

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hoàn thiện các thủ tục pháp lý, cơ cấu tổ chức, công nghệ, nhân sự chủ chốt sau sáp nhập:

(i) Hoàn thiện hồ sơ thủ tục pháp lý gửi Uỷ ban chứng khoán Nhà nước sau khi sáp nhập để xin Giấy phép điều chỉnh về việc thay đổi tên Công ty và Chi nhánh; thay đổi Người Đại diện theo pháp luật của Công ty.

(ii) Hoàn thiện bộ máy cơ cấu tổ chức nhân sự và tổ chức hoạt động theo mô hình mới.

(iii) Xây dựng lại định biên nhân sự theo cơ cấu tổ chức mới theo hướng điều chuyển, cắt giảm những đơn vị hoạt động không hiệu quả;

(iv) Tổ chức tuyển dụng cho các vị trí mới đặc biệt chú trọng nhân sự lãnh đạo của Công ty;

(v) Xây dựng lại hệ thống thang bậc lương phù hợp với từng vị trí công tác để phát huy hiệu quả và năng lực của người lao động;

(vi) Xây dựng lại văn hóa doanh nghiệp để đảm bảo gắn kết Công ty với người lao động;

(vii) Tiếp tục chỉ đạo, giám sát Ban Tổng Giám đốc Công ty trong việc kiểm tra, soát xét các dự án về công nghệ thông tin của HBBS trước đây, có báo cáo, đề xuất trình HĐQT phê duyệt;

(viii) Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc trong việc khảo sát mặt bằng, lên kế hoạch chuyển đổi trụ sở chính và chi nhánh về địa điểm mới.

2. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị điều hành.

Trước thời điểm sáp nhập, hệ thống văn bản nội bộ của HBBS bao gồm các Quy chế, Quy trình nghiệp vụ đã không được ban hành hoặc ban hành nhưng không cập nhật kịp thời dẫn đến tình trạng không phù hợp với thực tế. Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị cũng đã chú trọng đến công tác ban hành các văn bản quản trị, đồng thời chỉ đạo Ban điều hành rà soát, cập nhật cũng như xây dựng mới các quy chế quy định liên quan đến hoạt động của Công ty, tạo khuôn khổ pháp lý và cơ chế hoạt động rõ ràng của Công ty sau khi sáp nhập.

Ngoài ra, HĐQT cũng chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc xây dựng và hoàn thiện hơn 100 Quy trình nghiệp vụ của các Phòng ban trong Công ty nhằm tối ưu hóa hoạt động và giảm thiểu rủi ro trong các nghiệp vụ của Công ty, đồng thời đề nghị Ban Tổng giám đốc đưa ra các danh mục quy trình còn thiếu và tiến độ hoàn thành để ban hành trong thời gian sớm nhất.

3. Chỉ đạo, giám sát chặt chẽ công tác triển khai kế hoạch kinh doanh.

Ngay sau khi ĐHĐCĐ thông qua phương án kinh doanh cho năm 2012 đến 2015 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012, HĐQT đã phê duyệt kế hoạch kinh doanh chi tiết cho 4 tháng cuối năm 2012. Đồng thời, HĐQT cũng chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch kinh doanh, xây dựng hệ thống sản phẩm mới cạnh tranh cũng như kịp thời giải quyết các đề xuất vượt thẩm quyền giải quyết của Ban Tổng Giám đốc đặc biệt trong công tác thu hồi nợ tồn đọng của Công ty.

Đối với một số khoản nợ tồn đọng tại SHBS từ trước khi sáp nhập, HĐQT cũng đã chỉ đạo Ban Lãnh đạo Công ty trực tiếp rà soát lại hồ sơ của khách hàng, tiến hành gặp trực tiếp các khách hàng để đánh giá tình hình tài chính và khả năng thanh toán, từ đó đưa ra các biện pháp cơ cấu các khoản nợ tồn đọng theo hướng cùng doanh nghiệp tái cấu trúc hoạt động, chờ cơ hội thị trường để thoái vốn, giảm thiểu tối đa thiệt hại.

Trong bối cảnh chung của thị trường chứng khoán, năm 2012 được đánh giá là một năm thực sự khó khăn đối với các công ty chứng khoán nói chung và đặc biệt đối với SHBS nói riêng, đội ngũ nhân sự của Công ty chưa ổn định, đặc biệt là thiếu nhân sự chủ chốt, dẫn tới hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng trong khoảng thời gian dài, từ tháng 3 đến tháng 9/2012, hệ thống sản phẩm và dịch

vụ thiếu và yếu, chính sách chăm sóc khách hàng hạn chế nên số lượng khách hàng ngày một giảm dần; Nguồn lực tài chính của Công ty hạn chế do quản lý dòng tiền kém.

Tuy nhiên, được sự hỗ trợ tối đa từ phía ngân hàng mẹ SHB, HĐQT cùng với Ban Lãnh đạo Công ty đã tận dụng tối đa các nguồn lực, khai thác các thế mạnh của Công ty, lập kế hoạch kinh doanh chi tiết mang tính khả thi cao cho những tháng cuối năm 2012, nhờ đó kết thúc năm 2012, SHBS lãi gần 1 tỷ đồng.

4. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc:

Hội đồng quản trị SHBS trực tiếp tham gia quản trị và điều hành các hoạt động của Công ty;

Hội đồng quản trị luôn bám sát các hoạt động kinh doanh đồng thời trực tiếp đề ra các chủ trương, nghị quyết và quyết định nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành Công ty trong việc điều chỉnh các hoạt động kinh doanh của công ty;

Chủ tịch HĐQT trực tiếp chỉ đạo Ban Lãnh đạo Công ty thường xuyên về các vấn đề liên quan đến các mặt hoạt động kinh doanh, đầu tư của Công ty, đưa ra chủ trương, quyết sách kịp thời phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Công ty, hoàn cảnh kinh tế và TTCK, tuân thủ đúng quy định của Pháp luật;

HĐQT theo dõi và cập nhật hàng ngày quá trình điều hành hoạt động kinh doanh của Ban Điều hành thông qua việc báo cáo trực tiếp bằng văn bản của Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc,

Bên cạnh việc giám sát hoạt động của Ban điều hành, Hội đồng quản trị đã hoạt động tích cực trong khuôn khổ hoạt động của mình, tổ chức các cuộc họp cần thiết để từ đó đưa ra những ý kiến chỉ đạo kịp thời cho những hoạt động kinh doanh của Công ty;

Tiến hành 06 cuộc họp HĐQT và lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản về nhiều vấn đề thuộc thẩm quyền;

Xem xét và phê duyệt các khoản mục đầu tư chiến lược của Công ty, các vấn đề cơ cấu nhân sự quản lý cấp cao thuộc thẩm quyền HĐQT;

Hội đồng Quản trị đã hoàn thiện việc rà soát, cập nhật cũng như xây dựng các quy chế, quy trình nghiệp vụ phù hợp với tình hình thực tế tạo khuôn khổ rõ ràng cho hoạt động của Công ty. Cụ thể Công ty đã ban hành đầy đủ các Quy chế hoạt động tổ chức của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc; Quy chế tài chính, Quy chế tiền lương;

Ban hành 39 Quyết định, ký phê duyệt 40 Tờ trình của Ban TGĐ liên quan đến nhiều vấn đề trọng yếu của Công ty, làm cơ sở và định hướng cho Ban TGĐ trong việc triển khai nhiệm vụ.

5. HĐQT hỗ trợ và tạo điều kiện tối đa để công ty khai thác các khách hàng và nguồn lực từ ngân hàng mẹ SHB

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới của SHBS, trong đó phần lớn các thành viên đều nằm trong Ban lãnh đạo của Ngân hàng mẹ SHB, trực tiếp tham gia vào quá trình quản trị và điều hành công ty, nhờ đó đã kết nối SHBS với các nguồn lực của Ngân hàng mẹ SHB, hỗ trợ tối đa nguồn lực về khách hàng, về các sản phẩm dịch vụ của Ngân hàng mẹ - SHB, tư vấn định hướng trong việc liên kết bán chéo các sản phẩm với Công ty. Các thành viên HĐQT cũng đã đưa ra những định hướng đúng đắn về khách hàng mục tiêu, về các sản phẩm lõi của Công ty, góp phần lớn vào kết quả kinh doanh của Công ty năm 2012, giúp SHBS đạt được những bước tiến quan trọng về thương hiệu, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Mặc dù thời gian hoạt động của HĐQT SHBS mới đắc cử chỉ 4 tháng, nhưng những kết quả đạt được là rất đáng kể, nhìn vào những kết quả đạt được trong 04 tháng vừa qua, có thể thấy Hội đồng quản trị đã đưa ra được các quyết định, hoạch định chiến lược, các chỉ đạo sát sao, kịp thời mang lại hiệu quả cao, giúp Công ty hoạt động ổn định và phát triển.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2012, Ban Kiểm soát SHBS đã thực hiện các hoạt động của BKS SHBS theo đúng nhiệm vụ, quyền hạn của BKS quy định tại Điều lệ SHBS, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS SHBS, các quy định khác của SHBS và của pháp luật có liên quan, bao gồm:

Báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao hàng năm của BKS, về kết quả thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm và hàng năm của SHBS theo quy định.

Làm việc với HĐQT và Tổng Giám đốc (TGĐ) về các vấn đề liên quan đến công tác của BKS và hoạt động KSNB của SHBS.

Thành lập, Tham gia các Đoàn công tác của BKS khi thấy cần thiết hoặc các Đoàn kiểm tra đột xuất đối với các đơn vị SHBS do HĐQT hoặc TGĐ ra quyết định thành lập

Tham gia ý kiến đối với các dự thảo quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy định nội bộ của SHBS do các phòng, ban đầu mối tại Trụ sở chính gửi đến lấy ý kiến tham gia.

Tham gia các phiên họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban của Ban Điều hành, các cuộc họp sơ kết, tổng kết hoạt động kinh doanh của SHBS khi được mời tham dự.

Thực hiện các công tác khác theo quy định tại Điều lệ SHBS, của pháp luật, theo yêu cầu của HĐQT và đề nghị của TGĐ.

Trực tiếp thực hiện nhiệm vụ kiểm soát của BKS đối với việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012

Ernst & Young Vietnam Limited
14th Floor, Daeha Business Center
360 Kim Ma Street, Ba Dinh District
Hanoi, S.R. of Vietnam
Tel : +84 4 3831 5100
Fax: +84 4 3831 5090
www.ey.com/vn

Số tham chiếu: 60755010/ 15503418

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB ("Công ty"), trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội, được trình bày từ trang 5 đến trang 43, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả công việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính có còn các sai sót trọng yếu hay không. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Điều hành Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, và kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0452/KTV

Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0761/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 2 năm 2013

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VNĐ

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2012*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*
100	A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		297.249.447.218	587.301.762.853
110	*I. Tiền và các khoản tương đương tiền*	*4*	*62.151.007.659*	*265.108.109.955*
111	1. Tiền		62.097.007.659	235.720.109.955
112	2. Các khoản tương đương tiền		54.000.000	29.388.000.000
120	*II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn*	*6*	*74.303.161.997*	*70.776.819.256*
121	1. Đầu tư ngắn hạn		84.821.991.394	94.745.070.500
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(10.518.829.397)	(23.968.251.244)
130	*III. Các khoản phải thu ngắn hạn*	*7*	*160.370.141.986*	*251.139.787.644*
131	1. Phải thu của khách hàng		1.040.000.000	-
132	2. Trả trước cho người bán		251.630.650	316.226.700
135	3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		180.035.574.569	250.632.851.925
138	4. Các khoản phải thu khác		3.236.465.289	190.709.019
139	5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		(24.193.528.522)	-
140	*IV. Hàng tồn kho*		-	-
150	*V. Tài sản ngắn hạn khác*		*425.135.576*	*277.045.998*
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		279.317.500	227.889.957
154	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	12	109.916.033	-
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		35.902.043	49.156.041
200	B - TÀI SẢN DÀI HẠN		25.648.001.199	34.817.970.529
220	*I. Tài sản cố định*		*9.158.472.082*	*16.048.439.850*
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	5.556.549.969	9.776.307.680
222	Nguyên giá		19.499.176.471	20.217.089.099
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(13.942.626.502)	(10.440.781.419)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	3.601.922.113	6.272.132.170
228	Nguyên giá		9.926.393.720	9.789.893.720
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(6.324.471.607)	(3.517.761.550)
230	3. Chi phí đầu tư xây dựng dở dang		-	-
250	*II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn*	*10*	*11.618.381.653*	*15.000.000.000*
258	1. Đầu tư dài hạn khác		15.000.000.000	15.000.000.000
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(3.381.618.347)	-
260	*III. Tài sản dài hạn khác*		*4.871.147.464*	*3.769.530.679*
263	1. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	11	4.871.147.464	3.769.530.679
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		322.897.448.417	622.119.733.382

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VNĐ

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2012*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*
300	A - NỢ PHẢI TRẢ		142.050.363.378	436.145.355.264
310	*I. Nợ ngắn hạn*		*142.050.363.378*	*436.145.355.264*
312	1. Phải trả người bán		192.654.000	1.526.289.600
313	2. Người mua trả tiền trước		-	220.000.000
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	382.308.910	1.978.900.408
315	4. Phải trả người lao động		15.887.729	829.850.848
317	5. Phải trả các bên liên quan	13	100.000.000.000	383.848.595.217
320	6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		40.553.715.340	36.057.742.295
321	7. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		8.003.500	8.153.500
328	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	897.793.899	11.675.823.396
400	B - VỐN CHỦ SỞ HỮU		180.847.085.039	185.974.378.118
410	*I. Vốn chủ sở hữu*	*15*	*180.847.085.039*	*185.974.378.118*
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		30.000.000.000	30.000.000.000
420	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		847.085.039	5.974.378.118
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		322.897.448.417	622.119.733.382

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: VNĐ

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2012*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*
005	1. Ngoại tệ các loại	-	-
006	2. Chứng khoán lưu ký	841.268.080.000	1.828.122.810.000
007	*2.1. Chứng khoán giao dịch*	*706.478.710.000*	*1.489.988.140.000*
008	2.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	4.576.010.000	13.990.100.000
009	2.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	688.298.150.000	1.474.752.330.000
010	2.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	13.604.550.000	1.245.710.000
012	*2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch*	*73.612.000.000*	*127.354.000.000*
014	2.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	73.612.000.000	127.354.000.000
017	*2.3. Chứng khoán cầm cố*	*22.754.000.000*	*189.921.920.000*
019	2.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	4.081.210.000	189.921.920.000
020	2.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	18.672.790.000	-
027	*2.4. Chứng khoán chờ thanh toán*	*31.567.860.000*	*15.617.320.000*
029	2.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	31.567.860.000	15.617.320.000
037	*2.5. Chứng khoán chờ giao dịch*	*6.855.510.000*	*5.241.430.000*
038	2.5.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	-	204.780.000
039	2.5.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	6.855.510.000	5.036.650.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: VNĐ

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2012*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*
050	3. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	6.717.320.000	6.056.990.000
051	*3.1. Chứng khoán giao dịch*	*6.717.320.000*	*6.043.890.000*
052	3.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	3.044.160.000	2.434.000.000
053	3.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	3.673.160.000	3.609.890.000
071	*3.2. Chứng khoán chờ thanh toán*	-	*13.100.000*
073	3.2.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	-	13.100.000
082	4. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	470.410.000	11.980.900.000
083	5. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	42.738.600.000	17.697.280.000

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VNĐ

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm 2012*	*Cho giai đoạn từ 1 tháng 9 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011*
01	1. Doanh thu	16	102.592.880.932	34.416.468.238
	Trong đó:			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		47.035.552.648	25.234.234.385
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		1.323.750.959	338.547.800
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		1.430.355.508	4.241.055.819
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		725.680.730	49.822.472
01.9	Doanh thu khác		52.077.541.087	4.552.807.762
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	16	102.592.880.932	34.416.468.238
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	17	(89.297.380.753)	(21.994.416.476)
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		13.295.500.179	12.422.051.762
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	(17.205.468.871)	(4.973.314.632)
30	7. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.909.968.692)	7.448.737.130
31	8. Thu nhập khác		4.806.666.881	23.516.354
32	9. Chi phí khác		(49.613.150)	(88.917.787)
40	10. Lợi nhuận/(lỗ) khác		4.757.053.731	(65.401.433)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		847.085.039	7.383.335.697
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12	-	(1.408.957.579)
60	13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		847.085.039	5.974.378.118
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.2	56	398

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VNĐ

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm 2012*	*Cho giai đoạn từ 1 tháng 9 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		847.085.039	7.383.335.697
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao TSCĐ	8.9	7.077.398.124	2.608.487.573
03	Các khoản dự phòng	6	12.263.730.298	2.555.787.936
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	16	(52.077.541.087)	(4.552.807.762)
06	Chi phí lãi vay		17.000.956.854	12.834.434.169
07	Lãi do thanh lý tài sản cố định		(7.136.364)	-
08	3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(14.895.507.136)	20.829.237.613
09	Giảm các khoản phải thu		68.341.449.825	67.872.835.824
10	Giảm đầu tư ngắn hạn		9.923.079.106	1.207.729.776
11	Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(300.069.370.004)	(22.122.324.524)
12	(Tăng)/ giảm chi phí trả trước		(51.427.543)	59.179.217
13	Tiền lãi vay đã trả		(17.000.956.854)	(12.834.434.169)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.101.616.785)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		(254.854.349.391)	55.012.223.737
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	8.9	(234.687.400)	(20.389.600)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	8.9	54.393.408	88.917.787
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay	16	52.077.541.087	4.552.807.762
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		51.897.247.095	4.621.335.949
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(202.957.102.296)	59.633.559.686
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		265.108.109.955	205.474.550.269
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	62.151.007.659	265.108.109.955

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB ("Công ty") với tên tiếng Anh là SHB Securities Joint Stock Company được thành lập và hoạt động theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép Thành lập và Hoạt động công ty chứng khoán số 112/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 9 năm 2012 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty trước đây có tên gọi ban đầu là Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội, được chuyển đổi từ hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần từ ngày 1 tháng 9 năm 2011 theo Giấy phép Thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 112/GP-UBCK ngày 26 tháng 8 năm 2011 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại 2C Vạn Phúc, Phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ

Theo Giấy phép Thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 112/GP-UBCK, vốn điều lệ của Công ty vào đầu ngày 1 tháng 9 năm 2011 là 150.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 đồng.

Hội đồng Quản trị

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm 2012 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	*Chức danh*	*Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm*
Ông Nguyễn Văn Lê	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2012
Ông Nguyễn Thế Minh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2012
Bà Ngô Thu Hà	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2012
Bà Ninh Thị Lan Phương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2012
Bà Hoàng Thị Mai Thảo	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2012
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2012
Bà Nguyễn Thị Thanh Bình	Thành viên	miễn nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2012
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2012

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2012 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	*Chức danh*	*Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm*
Ông Nguyễn Đình Dương	Trưởng ban kiểm soát	bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2012
Ông Trịnh Kỳ Sơn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2012
Ông Lê Minh Thuyết	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2012
Bà Trần Thị Lan Hương	Thành viên	miễn nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2012

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Ban Điều hành

Các thành viên Ban Điều hành trong năm 2012 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	*Chức danh*	*Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm*
Ông Nguyễn Thế Minh	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2012
Bà Lê Thị Thu Hiền	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2012
Bà Lê Kim Chi	Giám đốc Khối Tài chính	bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2012
Ông Đinh Ngọc Phương	Giám đốc Khối Ngân hàng đầu tư	bổ nhiệm ngày 4 tháng 9 năm 2012
Ông Dương Xuân Phương	Phó Giám đốc	miễn nhiệm ngày 24 tháng 9 năm 2012

Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 58 nhân viên (năm 2011: 82 nhân viên).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng" hoặc "VNĐ") phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính, Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, biến động vốn chủ sở hữu và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Sổ nhật ký chung.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam (VNĐ).

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "*Chi phí quản lý doanh nghiệp"* trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	*Mức trích dự phòng*
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.6 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Đầu tư chứng khoán

Thông tư số 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

3.7.1 Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư vào chứng khoán thương mại và các hợp đồng hợp tác kinh doanh. Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Lãi dự thu nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các hợp đồng hợp tác kinh doanh là các giao dịch về mua bán chứng khoán mà Công ty thực hiện cùng với các đối tác, trong đó việc phân chia lợi nhuận/(lỗ) từ các hợp đồng này sẽ được thực hiện khi kết thúc thời hạn hợp tác kinh doanh và thanh lý hợp đồng. Các hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Lãi/(lỗ) từ các hợp đồng này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh này trên cơ sở phân chia lợi nhuận đã được thỏa thuận.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chứng khoán thương mại được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục "Chi phí hoạt động kinh doanh".

3.7.2 Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác dưới 20% quyền biểu quyết. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi có bằng chứng khách quan về việc giảm giá lâu dài của khoản đầu tư.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

3.8.1 Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phản ánh theo giá gốc.

3.8.2 Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư dài hạn khác được lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo hướng dẫn tại Điều 5 Khoản 2 của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ Vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản/ chi phí chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu/ khoản phải trả chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

Đối với các cam kết quá hạn, phần chênh lệch này không được dự thu và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty thực nhận.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Các nghiệp vụ mua và bán lại chứng khoán

Doanh thu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời hạn của hợp đồng mua và bán lại chứng khoán theo phương pháp đường thẳng.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

3.12 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán kinh doanh

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra và phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn trái phiếu dài hạn bán ra.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Lợi ích của nhân viên

3.15.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội, theo Quy chế tiền lương Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 24% lương cấp bậc hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

3.15.2 Trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân của giai đoạn sáu tháng tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

3.15.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp và quy chế tiền lương của Công ty, Công ty có nghĩa vụ trích vào chi phí và đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 2,00% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị: VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*
Tiền	**62.097.007.659**	**235.720.109.955**
Tiền mặt	***9.045.300***	***49.497.000***
Tiền gửi ngân hàng	***61.352.449.046***	***235.670.612.955***
Tiền gửi của Công ty	20.805.333.089	228.024.867.060
- *Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội*	*20.793.042.875*	-
- *Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam*	*8.490.909*	*29.927.450*
- *Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam*	*3.799.305*	-
- *Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội*	-	*227.994.939.610*
Tiền gửi của nhà đầu tư (*)	40.547.115.957	7.645.745.895
- *Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội*	*40.545.240.245*	-
- *Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam*	*1.371.061*	*1.466.177*
- *Ngân hàng Hàng Hải*	*504.651*	
- *Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội*	-	*7.644.279.718*
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	***735.513.313***	**-**
Các khoản tương đương tiền	**54.000.000**	**29.388.000.000**
Tiền gửi có thời hạn dưới 3 tháng của Công ty	54.000.000	976.000.000
- *Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội*	*54.000.000*	-
- *Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội*	-	*976.000.000*
Tiền gửi có thời hạn dưới 3 tháng của nhà đầu tư	-	28.412.000.000
- *Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội*	-	*28.412.000.000*
	62.151.007.659	**265.108.109.955**

(*): Các khoản mục tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty, cụ thể là được bao gồm trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty đứng tên các tài khoản này tại các ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

Giá trị, khối lượng giao dịch thực hiện trong năm 2012 như sau:

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ (Cổ phiếu)	*Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ (VNĐ)*
1. Của Công ty	**2.146.176**	**36.298.013.162**
Cổ phiếu	2.146.176	36.298.013.162
Trái phiếu	-	-
Chứng khoán khác	-	-
2. Của nhà đầu tư	**347.466.529**	**3.312.901.543.500**
Cổ phiếu	346.616.529	3.223.226.543.500
Trái phiếu	850.000	89.675.000.000
Chứng khoán khác	-	-
	349.612.705	**3.349.199.556.662**

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đơn vị: VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*
Chứng khoán thương mại	16.492.596.394	33.262.868.276
Đầu tư ngắn hạn khác	68.329.395.000	61.482.202.224
	84.821.991.394	**94.745.070.500**
Dự phòng giảm giá CK thương mại	(10.518.829.397)	(23.968.251.244)
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn khác	-	-
	(10.518.829.397)	**(23.968.251.244)**
	74.303.161.997	**70.776.819.256**

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.1 *Chứng khoán thương mại*

Chi tiết tình hình đầu tư ngắn hạn vào chứng khoán thương mại của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	*Số lượng*	*Giá trị ghi sổ*	*Tăng giá so với thị trường*	*Giảm so với giá thị trường*	*Tổng theo giá trị thị trường*
Cổ phiếu niêm yết					
MBB	160.392	2.702.344.039	-	(697.444.039)	2.004.900.000
TV1	161.080	2.398.000.000	-	(1.189.900.000)	1.208.100.000
HOM	90.089	1.441.191.700	-	(927.684.400)	513.507.300
FDG	28.000	570.000.000	-	(295.600.000)	274.400.000
Các cổ phiếu nhỏ lẻ khác	13.030	218.230.622	57.213.703	(110.769.725)	164.674.600
	452.591	**7.329.766.361**	**57.213.703**	**(3.221.398.164)**	**4.165.581.900**
Cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM					
HIG	304.187	5.426.705.000	-	(4.118.700.900)	1.308.004.100
Các cổ phiếu nhỏ lẻ khác	229	5.065.033	-	(4.762.333)	302.700
	304.416	**5.431.770.033**	**-**	**(4.123.463.233)**	**1.308.306.800**
Cổ phiếu chưa niêm yết					
MSB	33.060	1.007.860.000	-	(736.768.000)	271.092.000
HNK	40.000	2.670.000.000	-	(2.426.000.000)	244.000.000
Các cổ phiếu nhỏ lẻ khác	800	53.200.000	-	(11.200.000)	42.000.000
	73.860	**3.731.060.000**	**-**	**(3.173.968.000)**	**557.092.000**
Tổng	**830.867**	**16.492.596.394**	**57.213.703**	**(10.518.829.397)**	**6.030.980.700**

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.1 *Chứng khoán thương mại* (tiếp theo)

Chi tiết tình hình đầu tư ngắn hạn vào chứng khoán thương mại của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	*Số lượng*	*Giá trị ghi sổ*	*Tăng giá so với thị trường*	*Giảm so với giá thị trường*	*Tổng giá trị thị trường*
Cổ phiếu niêm yết					
ANV	105.880	9.121.215.430	-	(8.337.703.430)	783.512.000
MBB	279.179	5.828.053.079	-	(2.812.919.879)	3.015.133.200
EIB	120.460	3.653.924.643	-	(1.931.346.643)	1.722.578.000
TV1	140.070	2.398.000.000	-	(1.655.629.000)	742.371.000
HOM	100.089	1.601.165.900	-	(1.230.836.600)	370.329.300
Cổ phiếu khác	60.322	1.502.429.224	34.110.468	(844.242.692)	692.297.000
	806.000	**24.104.788.276**	**34.110.468**	**(16.812.678.244)**	**7.326.220.500**
Cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM					
HIG	243.350	5.426.705.000	-	(3.601.580.000)	1.825.125.000
Cổ phiếu khác	50	315.000	-	(245.000)	70.000
	243.400	**5.427.020.000**	**-**	**(3.601.825.000)**	**1.825.195.000**
Cổ phiếu chưa niêm yết					
MSB	30.060	1.007.860.000	-	(892.148.000)	115.712.000
HNK	40.000	2.670.000.000	-	(2.630.000.000)	40.000.000
Cổ phiếu khác	800	53.200.000	-	(31.600.000)	21.600.000
	70.860	**3.731.060.000**	**-**	**(3.553.748.000)**	**177.312.000**
Tổng	**1.120.260**	**33.262.868.276**	**34.110.468**	**(23.968.251.244)**	**9.328.727.500**

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.2 Đầu tư ngắn hạn khác

Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Đơn vị: VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*
Hợp đồng mua bán chứng khoán chưa niêm yết		
Khách hàng Ngô Văn Toàn (*)	30.600.000.000	29.898.000.000
Khách hàng Bùi Pháp (**)	13.000.000.000	-
	43.600.000.000	**29.898.000.000**
Hợp đồng hợp tác kinh doanh với các đối tác (***)		
Bà Lê Thị Thu Hiền	24.729.395.000	27.470.604.184
Ông Dương Xuân Phương	-	2.307.473.000
Bà Hà Thị Nhàn	-	1.201.398.000
Bà Hoàng Thị Soa	-	604.727.040
	24.729.395.000	**31.584.202.224**
Đầu tư Ngắn hạn khác	**68.329.395.000**	**61.482.202.224**
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn khác	**-**	**-**
Tổng	**68.329.395.000**	**61.482.202.224**

(*): Công ty thực hiện mua bán chứng khoán chưa niêm yết với nhà đầu tư có thời hạn thanh toán đến ngày 1 tháng 6 năm 2013 theo Hợp đồng mua bán chứng khoán là cổ phiếu của Công ty Cổ phần CN Sinh học Dược phẩm ICA.

(**): Công ty thực hiện mua bán chứng khoán chưa niêm yết với nhà đầu tư có thời hạn thanh toán đến ngày 4 tháng 2 năm 2013 theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phiếu số 33/2012/HBBS-HĐ ngày 14 tháng 05 năm 2012 là cổ phiếu của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

(***): Công ty hiện đang còn một số hợp đồng hợp tác kinh doanh chưa đáo hạn, việc phân chia lợi nhuận/(lỗ) từ các hợp đồng này sẽ được thực hiện khi kết thúc thời hạn hợp tác kinh doanh và thanh lý hợp đồng.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

Đơn vị: VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2011			*Số phát sinh trong năm*		*Ngày 31 tháng 12 năm 2012*			
	Tổng số	*Số quá hạn*	*Số khó đòi*	*Tăng*	*Giảm*	*Tổng số*	*Số quá hạn*	*Số khó đòi*	*Dự phòng đã trích lập*
1. Trả trước cho người bán	**316.226.700**	**-**	**-**	**982.728.313**	**(1.047.324.363)**	**251.630.650**	**-**	**-**	**-**
2. Phải thu của khách hàng	**-**	**-**	**-**	**1.454.133.520**	**(414.133.520)**	**1.040.000.000**	**-**	**-**	**-**
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	**250.632.851.925**	**-**	**-**	**2.348.214.678.823**	**(2.418.811.956.179)**	**180.035.574.569**	**-**	**-**	**24.193.528.522**
Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	250.632.851.925	-	-	2.348.214.678.823	(2.418.811.956.179)	180.035.574.569	-	-	24.193.528.522
4. Các khoản phải thu khác	**190.709.019**	**-**	**-**	**527.981.023.789**	**(524.935.267.519)**	**3.236.465.289**	**-**	**-**	**-**
Dự thu lãi từ các hợp đồng tiền gửi	189.021.040	-	-	52.252.902	(240.920.842)	353.100	-	-	-
Các khoản phải thu khác	1.687.979	-	-	527.928.770.887	(524.694.346.677)	3.236.112.189	-	-	-
	251.139.787.644	**-**	**-**	**2.878.632.564.445**	**(2.945.208.681.581)**	**184.563.670.508**	**-**	**-**	**24.193.528.522**

(*): Dự phòng phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán bao gồm 22.331.533.798 đồng trích lập cho dư nợ gốc và 1.861.994.724 đồng trích lập cho số tiền lãi phải thu khó đòi. Công ty đã ngừng thu lãi kể từ tháng 2 năm 2012.

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Đơn vị: VNĐ

	Máy móc, thiết bị	*Phương tiện vận tải*	*Tài sản cố định hữu hình khác*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	19.597.117.855	431.371.559	188.599.685	20.217.089.099
Tăng trong kỳ	67.827.400	-	30.360.000	98.187.400
Giảm trong kỳ	(769.873.811)	-	(46.226.217)	(816.100.028)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	18.895.071.444	431.371.559	172.733.468	19.499.176.471
Giá trị hao mòn:				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	9.923.709.098	395.623.639	121.448.682	10.440.781.419
Chi phí trong kỳ	4.205.387.667	35.747.920	29.552.480	4.270.688.067
Giảm trong kỳ	(722.616.767)	-	(46.226.217)	(768.842.984)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	13.406.479.998	431.371.559	104.774.945	13.942.626.502
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	9.673.408.757	35.747.920	67.151.003	9.776.307.680
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	5.488.591.446	-	67.958.523	5.556.549.969

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Đơn vị: VNĐ

	Phần mềm máy tính	*Tài sản cố định vô hình khác*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	9.350.597.720	439.296.000	9.789.893.720
Tăng trong kỳ	136.500.000	-	136.500.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	9.487.097.720	439.296.000	9.926.393.720
Giá trị hao mòn:			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	3.078.465.550	439.296.000	3.517.761.550
Chi phí trong kỳ	2.806.710.057	-	2.806.710.057
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	5.885.175.607	439.296.000	6.324.471.607
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	6.272.132.170	-	6.272.132.170
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	3.601.922.113	-	3.601.922.113

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Chi tiết đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên đơn vị	*Tổng vốn đầu tư của đơn vị nhận đầu tư đồng*	*Tỷ lệ sở hữu của công ty %*	*Số vốn thực góp đồng*
Công ty CP Đầu tư & Du lịch Cam Lập	85.500.000.000	17,54%	15.000.000.000
Dự phòng cho các khoản đầu tư			(3.381.618.347)
			11.618.381.653

11. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại các Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

Theo Quyết định 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004 và Quyết định 72/2005/QĐ-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài chính, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại mỗi Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và hàng năm phải đóng thêm 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2 tỷ đồng/năm.

Đơn vị: VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*
Tiền nộp đầu kỳ	3.769.530.679	3.769.530.679
Tiền nộp bổ sung trong kỳ	1.101.616.785	-
	4.871.147.464	**3.769.530.679**

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị: VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*
Thuế giá trị gia tăng	294.855.377	572.390.555
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.377.151.061
Thuế thu nhập cá nhân	87.453.533	29.358.792
	382.308.910	**1.978.900.408**

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty được phép kế thừa các nghĩa vụ thuế từ khi chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) trong 2 năm 2006 và 2007 tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi là năm 2006 và được giảm 50% thuế TNDN trong 3 năm tiếp theo là các năm 2008, 2009 và 2010. Vì năm 2010 là năm thứ năm Công ty đi vào hoạt động và tiếp tục kinh doanh có lãi nên mức thuế suất áp dụng cho năm 2010 là 10%. Cho các năm 2011 và 2012, Công ty áp dụng mức thuế suất 20% theo quy định hiện hành.

Đơn vị: VNĐ

	Năm 2012	*Cho giai đoạn từ 1 tháng 9 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011*
Tổng lợi nhuận kế toán/(lỗ) trước thuế	847.085.039	7.383.335.697
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(1.285.751.828)	(338.547.800)
Tổng lợi nhuận chịu thuế	**-**	**7.044.787.897**
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**-**	**1.408.957.579**
Thuế thu nhập doanh nghiệp đầu kỳ	1.377.151.061	2.022.003.233
Thuế thu nhập doanh nghiệp chuyển về Ngân hàng TMCP Nhà HN để nộp trong kỳ	-	(2.022.003.233)
Thuế thu nhập đã nộp trong kỳ	(1.487.067.094)	(31.806.518)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp/(tạm ứng) cuối kỳ	**(109.916.033)**	**1.377.151.061**

(*): Cổ tức được nhận bằng tiền mặt.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Không có khoản thuế thu nhập hoãn lại trọng yếu nào được ghi nhận trong kỳ do không có khoản mục chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ và giá trị cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ trên các báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

13. PHẢI TRẢ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị: VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*
Lợi nhuận để lại phải trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	76.566.267.252	358.392.859.236
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	23.433.732.748	25.455.735.981
	100.000.000.000	**383.848.595.217**

Lợi nhuận để lại phải trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội bao gồm lợi nhuận để lại của Công ty trước khi chuyển đổi sang công ty cổ phần của các năm 2006, năm 2007, năm 2008, năm 2009 và năm 2010.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội của Công ty trước khi chuyển đổi sang công ty cổ phần của các năm 2008, năm 2009 và năm 2010 do trước khi chuyển đổi sang hình thức sở hữu sang công ty cổ phần, thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty do Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội nộp hộ.

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị: VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	500.000
Kinh phí công đoàn	114.121.819	316.540.590
Bảo hiểm xã hội	65.974.490	105.484.770
Bảo hiểm y tế	15.339.374	23.921.566
Bảo hiểm thất nghiệp	2.493.526	5.680.436
Phải trả, phải nộp khác	699.864.690	11.223.696.034
	897.793.899	**11.675.823.396**

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị: VNĐ

	Vốn điều lệ	*Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ*	*Quỹ dự trữ bắt buộc*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Số dư ngày 1 tháng 9 năm 2011	150.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	-	180.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	5.974.378.118	5.974.378.118
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2011	150.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	5.974.378.118	185.974.378.118
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	847.085.039	847.085.039
Cổ tức trả cho cổ đông	-	-	-	(5.974.378.118)	(5.974.378.118)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2012	150.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	847.085.039	180.847.085.039

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Vốn điều lệ

Chi tiết vốn điều lệ của Công ty như sau:

Đơn vị: VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012		
	Tổng số	*Vốn CP thường*	*Vốn CP ưu đãi*
Vốn của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	147.710.070.000	147.710.070.000	-
Vốn của các cổ đông cá nhân khác	2.289.930.000	2.289.930.000	-
	150.000.000.000	150.000.000.000	-

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 24 tháng 4 năm 2007 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	*Mức trích lập tối đa*
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	100% vốn điều lệ
Quỹ Dự phòng tài chính	5%	10% vốn điều lệ

Công ty sẽ thực hiện trích lập các quỹ trên cho năm tài chính 2012 trong năm tài chính tiếp theo sau khi có phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

16. DOANH THU

Đơn vị: VNĐ

	Năm 2012	*Cho giai đoạn từ 1 tháng 9 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011*
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	**102.592.880.932**	**34.416.468.238**
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	47.035.552.648	25.234.234.385
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.323.750.959	338.547.800
Doanh thu hoạt động tư vấn	1.430.355.508	4.241.055.819
Doanh thu lưu ký chứng khoán	725.680.730	49.822.472
Doanh thu khác	52.077.541.087	4.552.807.762
- *Doanh thu lãi tiền gửi*	*12.551.596.945*	*2.581.784.564*
- *Doanh thu từ giao dịch liên quan đến CK chưa niêm yết*	*7.140.247.125*	*1.970.855.663*
- *Doanh thu từ hợp đồng hỗ trợ giao dịch*	*29.965.328.110*	*-*
- *Doanh thu khác*	*2.420.368.907*	*167.535*
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**-**	**-**
	102.592.880.932	**34.416.468.238**

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị: VNĐ

	Năm 2012	*Cho giai đoạn từ 1 tháng 9 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011*
Chi phí môi giới chứng khoán	26.981.935.921	710.171.441
Chi phí đầu tư chứng khoán, góp vốn	11.863.838.153	-
Chi phí lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư	811.702.600	354.080.305
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán	12.263.730.298	2.555.787.936
Chi phí khác	37.376.173.781	18.374.376.794
- *Chi phí nhân viên trực tiếp*	*3.386.470.992*	*1.464.620.462*
- *Chi phí khấu hao TSCĐ*	*6.337.616.577*	*2.303.457.059*
- *Chi phí vốn kinh doanh (bao gồm lãi tiền gửi trả cho nhà đầu tư)*	*17.000.956.854*	*14.496.227.533*
- *Chi phí khác*	*10.651.129.358*	*110.071.740*
	89.297.380.753	**21.994.416.476**

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị: VNĐ

	Năm 2012	*Cho giai đoạn từ 1 tháng 9 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011*
Chi phí nhân viên quản lý	8.173.879.810	2.406.113.938
Chi phí vật liệu quản lý	26.776.400	15.550.046
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	253.113.779	69.564.750
Chi phí khấu hao tài sản cố định	739.781.547	305.030.514
Thuế, phí và lệ phí	628.201.634	119.248.239
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.277.663.234	1.777.378.444
Chi phí khác bằng tiền	2.106.052.467	280.428.701
	17.205.468.871	**4.973.314.632**

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

19. CÁC THÔNG TIN KHÁC

19.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm:

Đơn vị: VNĐ

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Giá trị*
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Cổ đông lớn	Gửi tiền tại tài khoản vãng lai	13.493.036.789.621
		Rút tiền tại tài khoản vãng lai	13.699.352.486.290
		Gửi tiền có kỳ hạn	1.903.846.500.000
		Rút tiền có kỳ hạn	1.932.258.500.000
		Nhận lãi tiền gửi	10.861.489.660
		Phí dịch vụ	26.702.250.000
		Chi phí	9.573.351.797

Số dư của các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm:

Đơn vị: VNĐ

Công ty liên quan	*Mối quan hệ*	*Các giao dịch*	*Khoản phải thu*	*Khoản phải trả*
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Cổ đông lớn	Số dư tiền gửi tại tài khoản vãng lai	20.793.042.875	-
		Số dư tiền gửi tại tài khoản kỳ hạn	54.000.000	-
		Phải trả lợi nhuận để lại	-	76.566.267.252
		Phải trả thuế TNDN	-	23.433.732.748
		Số dư phải thu theo hợp đồng tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp	440.000.000	-

Số dư của các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm:

Đơn vị: VNĐ

Công ty liên quan	*Mối quan hệ*	*Các giao dịch*	*Khoản phải thu*	*Khoản phải trả*
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (nay sát nhập vào Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Cổ đông lớn	Số dư tiền gửi tại tài khoản vãng lai	235.637.667.752	-
		Số dư tiền gửi tại tài khoản kỳ hạn	976.000.000	-
		Phải trả lợi nhuận để lại	-	358.392.859.236
		Phải trả thuế TNDN	-	25.455.735.981

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

19. CÁC THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

19.1 *Nghiệp vụ với các bên liên quan* (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm 2012	*Cho giai đoạn từ 1 tháng 9 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011*
Lương và phụ cấp của Ban điều hành	2.206.600.242	780.875.637
Thù lao thanh viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	580.000.000	-
	2.786.600.242	**780.875.637**

Số dư phải thu với các thành viên của Ban Điều hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Các giao dịch*	*Khoản phải thu đồng*
Bà Lê Thị Thu Hiền	Phó Tổng Giám đốc	Hợp đồng hợp tác kinh doanh	24.729.395.000

Công ty hiện đang thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh với Bà Lê Thị Thu Hiền, việc phân chia lợi nhuận/(lỗ) từ hợp đồng này sẽ được thực hiện khi kết thúc thời hạn hợp tác kinh doanh và thanh lý hợp đồng.

19.2 *Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu

Đơn vị: VNĐ

	Năm 2012	*Cho giai đoạn từ 1 tháng 9 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011*
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VNĐ	847.085.039	5.974.378.118
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (cổ phiếu)	15.000.000	15.000.000
Lãi trên mỗi cổ phiếu - VNĐ	56	398

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

19. CÁC THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

19.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công ty có phát sinh rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Công ty không có rủi ro ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 4.165.581.900 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 7.326.220.500 đồng).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

19. CÁC THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

19.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được, Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các công cụ tài chính khác

Ban Điều hành của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

19. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

19.4 Trình bày bổ sung các thông tin về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư 210/2009/TT-BTC

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khái niệm liên quan như được trình bày tại Thuyết minh số 19.4 trên các báo cáo tài chính riêng chỉ áp dụng đối với việc lập các thuyết minh này. Các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

Theo Thông tư 210, Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phi phái sinh do Công ty phát hành để xác định liệu công cụ đó có bao gồm cả thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Các thành phần này được phân loại riêng biệt là nợ phải trả tài chính, tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền mặt, vàng bạc, đá quý, các khoản tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản chứng khoán thương mại, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác và các khoản phải thu.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

- *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*
  Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

  a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
     - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
     - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
     - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

19. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

19.4 Trình bày bổ sung các thông tin về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

- *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn. ngoại trừ:

a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;

c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

- *Các khoản phải thu*:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; hoặc

b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

- *Tài sản sẵn sàng để bán:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

a) các khoản cho vay và các khoản phải thu;

b) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;

c) các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

19. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

19.4 Trình bày bổ sung các thông tin về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả và các khoản nợ phải trả theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

- *Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

b) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
   - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
   - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
   - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

c) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

19. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

19.4 Trình bày bổ sung các thông tin về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

Đơn vị tính: VNĐ

	Giá trị ghi sổ				*Giá trị hợp lý*	
	Số cuối năm		*Số đầu năm*			
	Nguyên giá	*Dự phòng*	*Nguyên giá*	*Dự phòng*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Tài sản tài chính						
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	84.821.991.394	(10.518.829.397)	94.745.070.500	(23.968.251.244)	74.360.375.700	70.810.929.724
- *Cổ phiếu niêm yết*	*7.329.766.361*	*(3.221.398.164)*	*24.104.788.276*	*(16.812.678.244)*	*4.165.581.900*	*7.326.220.500*
- *Cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM*	*5.431.770.033*	*(4.123.463.233)*	*5.427.020.000*	*(3.601.825.000)*	*1.308.306.800*	*1.825.195.000*
- *Cổ phiếu chưa niêm yết*	*3.731.060.000*	*(3.173.968.000)*	*3.731.060.000*	*(3.553.748.000)*	*557.092.000*	*177.312.000*
- *Đầu tư ngắn hạn khác*	*68.329.395.000*	-	*61.482.202.224*	-	*68.329.395.000*	*61.482.202.224*
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.151.007.659	-	265.108.109.955	-	62.151.007.659	265.108.109.955
Các khoản phải thu	184.563.670.508	(24.193.528.522)	250.823.560.944	-	160.370.141.986	250.823.560.944
- *Trả trước cho người bán*	*251.630.650*	-	-	-	*251.630.650*	-
- *Phải thu khách hàng khác*	*1.040.000.000*	-	-	-	*1.040.000.000*	-
- *Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán*	*180.035.574.569*	*(24.193.528.522)*	*250.632.851.925*	-	*155.842.046.047*	*250.632.851.925*
- *Phải thu khác*	*3.236.465.289*	-	*190.709.019*	-	*3.236.465.289*	*190.709.019*
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	15.000.000.000	(3.381.618.347)	15.000.000.000	-	11.618.381.653	15.000.000.000
Tổng cộng	**346.536.669.561**	**(38.093.976.266)**	**625.676.741.399**	**(23.968.251.244)**	**308.499.906.998**	**601.742.600.623**
Nợ phải trả tài chính						
Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ	41.451.509.239	-	47.733.565.691	-	41.451.509.239	47.733.565.691
- *Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán*	*40.553.715.340*	-	*36.057.742.295*	-	*40.553.715.340*	*36.057.742.295*
- *Các khoản phải trả, phải nộp khác*	*897.793.899*	-	*11.675.823.396*	-	*897.793.899*	*11.675.823.396*
Tổng cộng	**41.451.509.239**	**-**	**47.733.565.691**	**-**	**41.451.509.239**	**47.733.565.691**

19. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

19.4 Trình bày bổ sung các thông tin về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính đã được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định dựa trên giá công bố, nếu có, trên các thị trường có giao dịch;
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

19.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Công ty trong kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Năm 2012, Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ trong hoạt động kiểm tra, kiểm soát hoạt động của Công ty và không phát hiện dấu hiện bất thường nào trong hoạt động của Công ty. Các kiến nghị của Bộ phận Kiểm toán nội bộ sau các đợt kiểm tra định kỳ và đột xuất liên quan tới Báo cáo tài chính, tuân thủ chuẩn mực, chế độ kế toán đều được công ty xem xét và điều chỉnh kịp thời. Phòng Kiểm toán nội bộ đồng ý với các đánh giá về hoạt động tài chính trong các báo cáo của Kiểm toán.

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2013

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SHB

TỔNG GIÁM ĐỐC

(đã ký)

Nguyễn Thế Minh